



**PVFCCo
PACKAGING**

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016





PETROVIETNAM FERTILIZER
AND CHEMICALS CORPORATION
DAM PHU MY
PACKAGING
JOINT STOCK COMPANY



75 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

79 Tình hình tài chính

83 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

85 Kế hoạch phát triển trong tương lai

91 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

39 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

41 Tổ chức và nhân sự

60 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

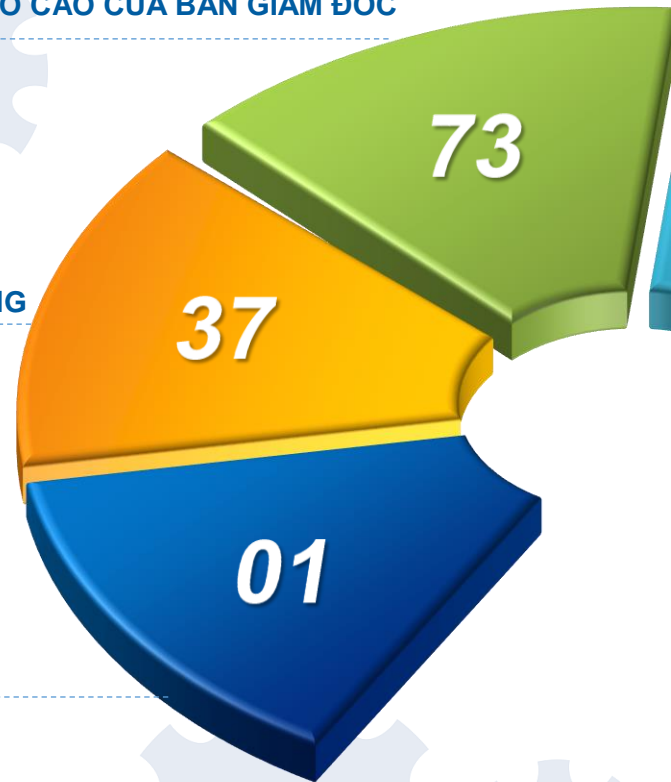
61 Tình hình tài chính

65 Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

67 Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



THÔNG TIN CHUNG

01 Thông tin khái quát

05 Quá trình hình thành và phát triển

07 Các giải thưởng tiêu biểu

08 Ngành nghề kinh doanh

11 Các sản phẩm chủ yếu

25 Sơ đồ tổ chức

27 Định hướng phát triển

31 Các rủi ro



95 Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

99 Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

100 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

94

101

115

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

103 Các cuộc họp của HĐQT

107 Ban kiểm soát

113 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

117 Ý kiến kiểm toán

118 Báo cáo tài chính được kiểm toán



MỤC LỤC

CTCP Bao bì Thông tin

Quá trình hình thành và phát triển



Các giải thưởng tiêu biểu



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



Đạm Phú Mỹ chung



Sơ đồ tổ chức



Định hướng phát triển



Các rủi ro

- 
- 
- **Tên Tiếng Anh:** Dam Phu My Packaging Joint Stock Company
 - **Tên viết tắt:** PVFCCo PACKAGING
 - **Mã cổ phiếu:** PMP
 - **Vốn điều lệ:** 42.000.000.000 đồng
 - **Vốn góp chủ sở hữu:** 64.202.838.499 đồng
 - **Địa chỉ:** Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
 - **Điện thoại:** (064) 3921 999
 - **Fax:** (064) 3921 966
 - **Email:** dpmp@vnn.vn
 - **Website:** www.dpmp.vn
 - **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số:** 3500874315 (số cũ: 4903000566) do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 19/05/2008, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15/12/2014.



Tỉnh ủy Bà Rịa-Vũng Tàu với doanh nghiệp trực thuộc là Công ty TNHH Hương Phong và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) với công ty con là Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP (PVFCCo) đã thỏa thuận hợp tác để thành lập Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ. Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức hoạt động từ ngày 19/05/2008.

Ngày 19/05/2008, Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã hoàn tất chuyển đổi và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4903000566 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 19/05/2008 và đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận ĐKKD lần 3 số 3500874315 ngày 15/12/2014.

Hình
thành
và
phát
triển

2003

2008

Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ
tiền thân là Nhà máy Sản xuất bao bì
Hương Phong thuộc Công ty TNHH
Hương Phong.

Năm 2016, đầu tư dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo giai đoạn 1, bao gồm dây chuyền sản xuất bao Jumbo hoàn chỉnh và hệ thống xưởng may Jumbo sạch.



2016

2015

Ngày trở thành công ty đại chúng: Ngày 22/05/2015; Ngày 30/06/2015, Cổ phiếu Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 400/QĐ-SGDHN.

Các giải thưởng tiêu biểu



Các bằng khen



Các chứng chỉ

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE;
- Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE, mua bán phân bón các loại; mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng điện tử;
 - Mua bán nhiên liệu động cơ;
 - Vận tải bằng ô tô;
 - Mua bán vật tư, thiết bị ngành công nghiệp;
 - Mua bán giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm;
 - Cho thuê kho bãi;
 - In ấn, và các dịch vụ liên quan đến in...





Quy trình sản xuất



INPUT:

- Raw materials
- Printed OPP film
- Handles
- Threads
- Others.

Productions:

- Extrusion
- Weaving
- Lamination
- Cutting
- Sewing.

Sewing rooms:

- Inhouse
- Sewing Processing.

- QC team controls during productions from input till output.
- Good aftersales policy.

PERFORMANCE

PROCESS
INPUT
ECONOMY
GROWTH
PRODUCTIVITY

MATERIALS

PRODUCTION

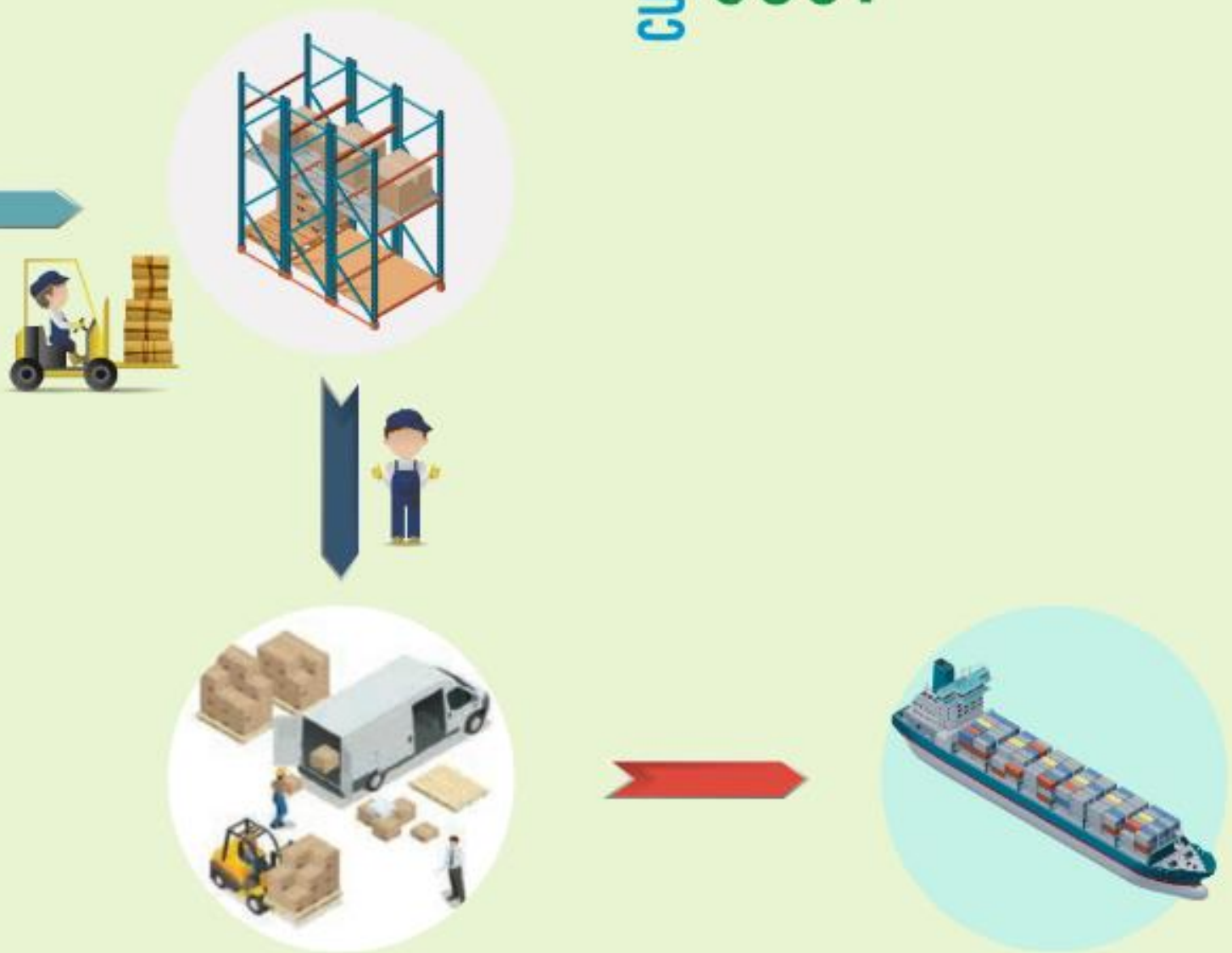
OUTPUT SUPPLIERS

PRODUCERS

INCREASE

CUSTOMERS
COST

MODELS





Các sản phẩm chủ yếu



Bao bì PP dệt là loại bao bì được ứng dụng để đóng gói sản phẩm, với mức độ chịu lực tốt cũng như tiết kiệm hiệu quả.









Bao Jumbo (FIBC) là một loại bao chứa, có kích thước lớn để đựng và vận chuyển nhiều loại sản phẩm khác nhau dưới dạng hạt, bột.





Bao ghép màng BOPP được sản xuất bằng công nghệ mới mà chủ yếu là sự phát triển của ngành in ấn bao bì, là một bao bì PP dệt và có tráng một lớp màng Bi-Oriented Poly Propylene.









Túi xách siêu thị có thể được sản xuất từ vải polypropylene dệt hoặc không dệt vật liệu với ngược in BOPP.

Túi được sản xuất và in theo thiết kế của Khách hàng.



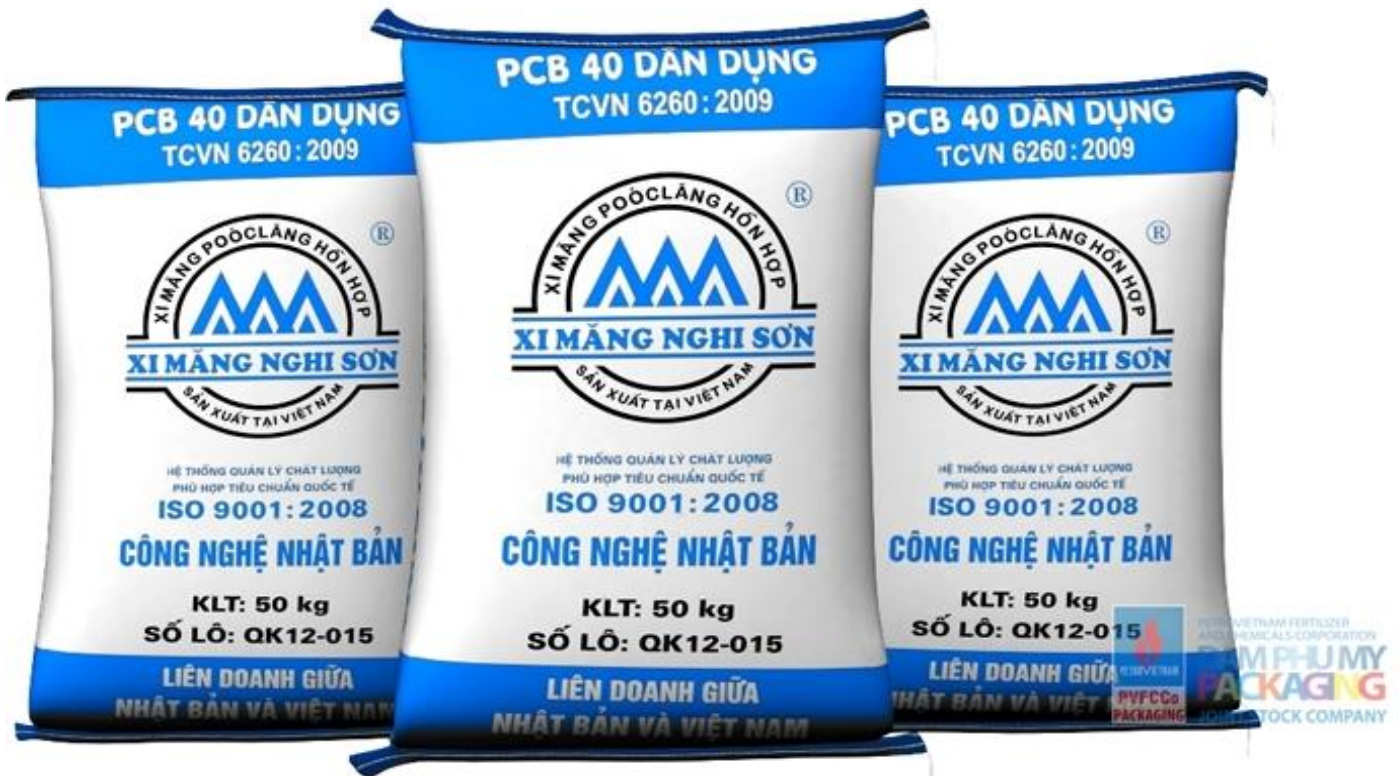


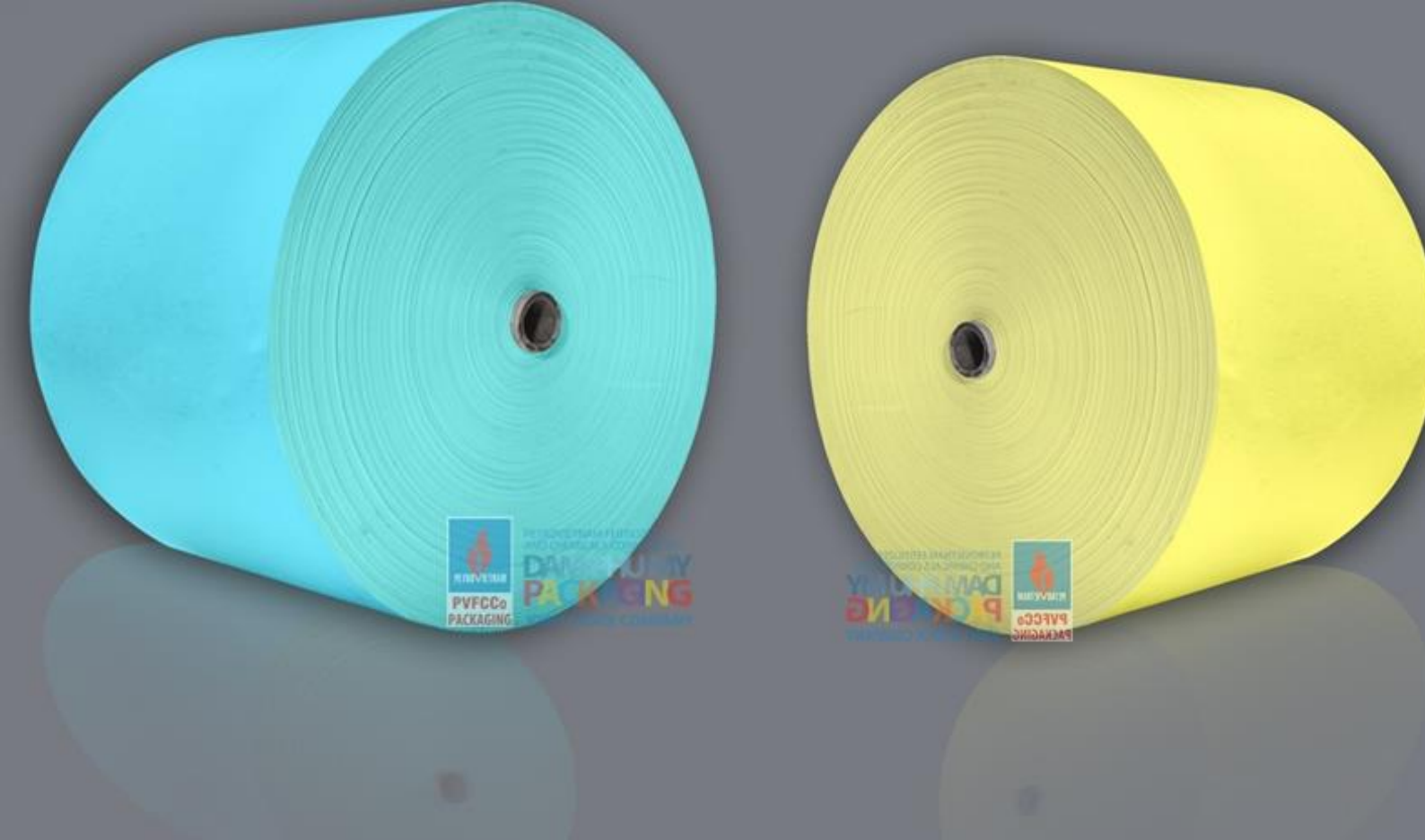
Bao tráng ghép được phân làm 3 loại như sau:

- Bao PP dệt có tráng một lớp PP (PPW);
- Bao PP dệt có tráng một lớp giấy Kraft (PK);
- Bao PP dệt có tráng một lớp giấy Kraft và lồng một lớp giấy Kraft bên trong (KPK);

Đối với từng nhu cầu sử dụng, dòng bao này có thể có van, hoặc không có van; có gấp hoặc không có gấp hông.









Vải PP
dệt

Được ứng dụng trong các nhà máy bao (tự cắt, may thành phẩm tùy theo lựa chọn kích thước của Khách hàng) hoặc được dùng để làm nguyên liệu bọc thép, tôn...

Địa bàn kinh doanh

Cung cấp cho các đơn vị trong nước và xuất khẩu ra các thị trường nước ngoài như sau:

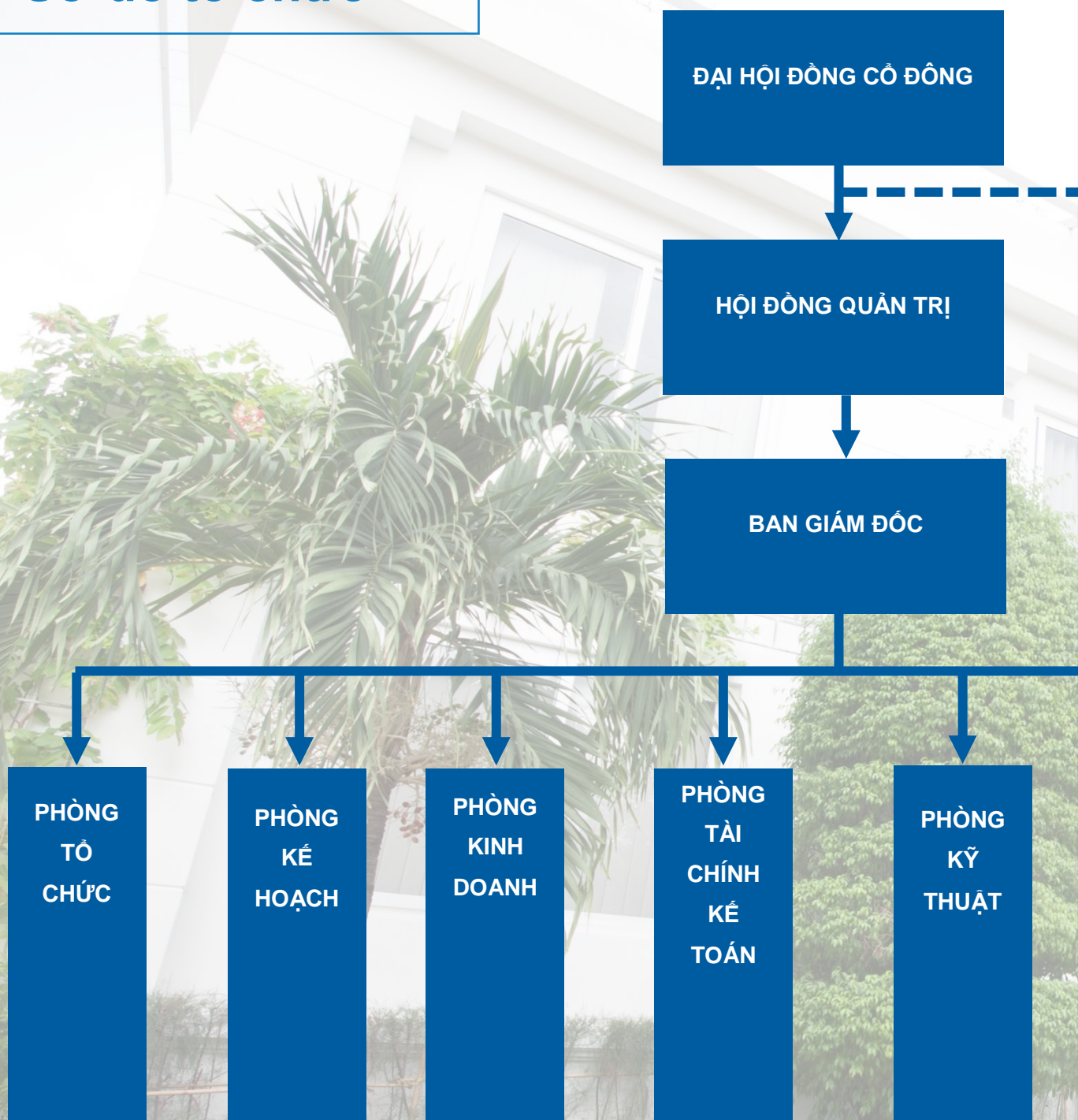
- Bao PP chứa phân bón/nông sản/ xi măng: cung cấp cho các đơn vị sản xuất phân bón, hóa chất, lương thực, nông sản, thức ăn gia súc như: Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Nhà Máy Đạm Phú Mỹ, Công ty TNHH Bao CP Việt Nam, Công ty cổ phần Xi măng Nghi Sơn, xuất khẩu sang Malaysia.
- Bao Jumbo: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu: (i) ở trong nước hiện tại Công ty đang cung cấp cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Công ty phân bón Baconco, các Công ty sản xuất mùn cưa, Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất TPC Vina, Công ty Dae Myung N&C Korea,.... (ii) thị trường xuất khẩu Công ty đang cung cấp cho thị trường Singapore, Malaysia, Nhật, Anh.
- Túi xách siêu thị: cung cấp cho cả thị trường trong nước và xuất khẩu: như Lotte Việt Nam, Carrefour tại Pháp, Bunzl tại Anh và một số khách hàng lẻ tại Châu Âu.
- Các cuộn vải dệt PP: đang tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang thị trường: Mỹ, Malaysia, Thái Lan.



Các đối tác



Sơ đồ tổ chức



BAN KIỂM SOÁT

**PHÂN
XƯỞNG
CƠ ĐIỆN**

**PHÂN
XƯỞNG
TẠO SỢI**

**PHÂN
XƯỞNG
SẢN
PHẨM**

Công ty con, công ty liên kết. Không có.

Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Quản lý và vận hành Nhà máy an toàn, hiệu quả.
- Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì đảm bảo chất lượng, ổn định, với giá hợp lý và hiệu quả cho khách hàng.
- Đáp ứng 100% nhu cầu bao bì chứa phân bón cho PVFCCo và các đơn vị thành viên PVFCCo. Đáp ứng tối đa nhu cầu cho các khách hàng trong và ngoài nước trên nguyên tắc đảm bảo hiệu quả.
- Hướng hoạt động SXKD của Công ty đến khách hàng, nhằm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Gia tăng tỷ trọng xuất khẩu các sản phẩm như túi xác siêu thị, bao Jumbo.
- Giữ vững các khách hàng truyền thống và hiện tại.

Định hướng phát triển

Gia tăng được lợi thế cạnh tranh và mở rộng thị trường, nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty cung ứng cho thị trường trong nước và xuất khẩu.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Sản phẩm luôn có chất lượng cao và ổn định.
- Phấn đấu trở thành nhà cung cấp đáng tin cậy cho thị trường Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ
- Đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở tập trung vào một số dòng sản phẩm xuất khẩu chọn lọc có giá trị gia tăng cao.
- Trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực bao bì, giúp khách hàng giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tới sử dụng bao bì (thiết kế bao bì mới, nhận diện được sản phẩm thật/giả, logistics,...).
- Luôn đảm bảo hiệu quả kinh tế cho Công ty và khách hàng.
- Bộ máy quản lý tinh gọn và hiệu quả, chế độ đãi ngộ xứng đáng cho người lao động.
- Tối ưu hóa năng lực sản xuất hiện có, củng cố liên kết ngành hiệu quả, nâng cao kỹ năng và tay nghề làm việc tổng thể.



Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Luôn coi trọng và ưu tiên hàng đầu cho công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường.
- Áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản hoặc gây ảnh hưởng/ tác động xấu đến môi trường.
- Luôn coi trọng cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm theo thỏa thuận với khách hàng và không ngừng cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng sản phẩm.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Các rủi ro

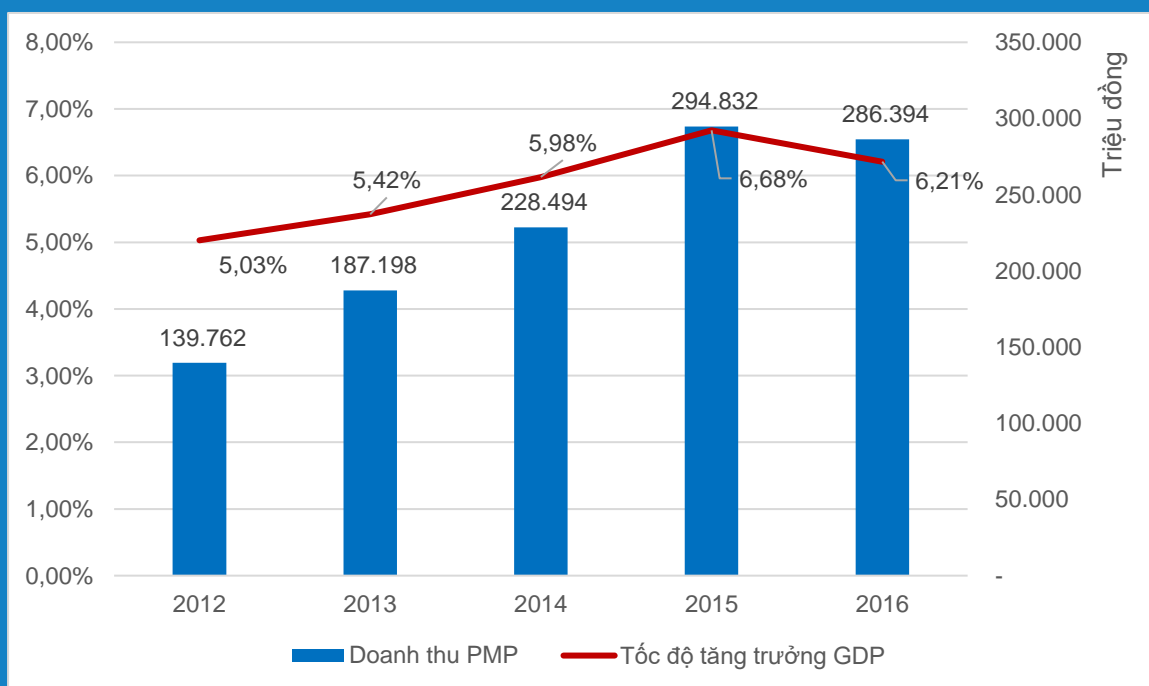


Rủi ro Kinh tế

CTCP Bao bì đạ m Phú Mỹ hoạt độn trong lĩnh vực sản xuất bao bì phục vụ cho các ngành sản xuất xi mắ ng, phân bón, tiêu dụn g, bán lẻ,... Do đó, sự phát triển của nền kinh tế có tác độn g trực tiếp, gián tiếp đến hoạt độn g sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2016, năm đầu cả nước thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo, tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh, hoạt độn g của thị trường hàng hóa kém sôi độn g, giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp đã ảnh hưởng đến kinh tế nước ta, nhất là hoạt độn g xuất nhập khẩu và thu ngân sách Nhà nước. Theo Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm nay thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra.

Sự tăng trưởng GDP trong các năm vừa qua có tương quan cùng chiều với doanh thu Công ty, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có ảnh hưởng nhiều từ nền kinh tế. Khi nền kinh tế phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành, các doanh nghiệp. Giao thương hàng hóa sôi động sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng bao bì, đòi hỏi mẫu mã đẹp hơn để đẩy mạnh quảng bá thương hiệu thu hút người tiêu dùng, chất lượng bao bì tốt hơn để bảo quản sản phẩm đúng quy định hơn, là những động lực thúc đẩy các doanh nghiệp trong ngành nói chung và CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng. Ở chiều ngược lại, sự phát triển kém sôi động của các yếu tố vĩ mô làm cho các doanh nghiệp hoạt động không tốt sẽ cần tiết giảm chi phí cho việc thiết kế mẫu mã bao bì hoặc tìm các nguồn cung khác với giá rẻ,... là những khách hàng tiềm năng cần khai thác của Công ty. Công ty luôn chú trọng đến những yếu tố vĩ mô của nền kinh tế để có những chiến lược sản xuất, bán hàng phù hợp.





Rủi ro Lãi suất

Công ty cần một lượng lớn vốn để đầu tư, mua sắm, nâng cấp máy móc hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, bổ sung nguồn vốn lưu động. Các khoản này ngoài việc được tài trợ từ một phần vốn tự có của Công ty thì cũng đến từ khoản vay ngân hàng. Việc này làm phát sinh rủi ro lãi suất. Theo tổng cục thống kê, lãi suất cho vay năm 2016 cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Nhìn chung, mặt bằng lãi suất trong năm 2016 diễn biến theo chiều hướng tương đối ổn định (một số thời điểm có điều chỉnh giảm nhẹ), hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Rủi ro Luật pháp

Là Công ty Cổ phần, hoạt động kinh doanh của DPMP chịu sự chi phối của Luật Doanh nghiệp, đồng thời chịu sự điều chỉnh của các luật khác như: Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Thương mại, ... và các chính sách của Nhà nước có liên quan. Những thay đổi từ chính sách, pháp luật có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty cũng như hiệu quả đầu tư của nhà đầu tư khi nắm giữ cổ phiếu DPMP. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn thường xuyên cập nhật hệ thống pháp luật, nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật cũng như thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, công nhân viên và cổ đông của Công ty.



Là doanh nghiệp sản xuất bao bì nên nguyên liệu đầu vào chính của Công ty bao gồm hạt nhựa PP (Poly Propylen) và PE (Poly Ethylen), nguồn cung cấp các nguyên liệu này chủ yếu từ nước ngoài (các nước Trung Đông, Hàn Quốc và Châu Âu). Trong khoảng 09 tháng đầu năm 2016, giá hạt nhựa PE và PP có xu hướng đi ngang và có xu hướng tăng nhẹ trong những tháng cuối năm. Do đó, giá nguyên liệu đầu vào trong năm vừa qua không quá biến động, thuận lợi cho việc kiểm soát chi phí đầu vào của Công ty. Ngoài ra, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 16/2016/TT-BTC điều chỉnh thuế nhập khẩu đối với sản phẩm polypropylen (hạt nhựa PP) về 1%. Chính sách mới được áp dụng giúp mặt bằng giá hạt nhựa PP nhập khẩu giảm, chính sách này giúp các doanh nghiệp sử dụng hạt nhựa PP làm nguyên liệu sản xuất nói chung và PMP nói riêng được hưởng lợi trực tiếp.

Mặt khác, biến động giá dầu cũng có những ảnh hưởng không nhỏ đến giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Giá dầu trong năm 2016 được duy trì ở mức 50-60 USD/thùng. Công nghệ sản xuất nguyên liệu nhựa từ khí thiên nhiên và dầu đá phiến cũng giúp giảm bớt áp lực của giá nguyên liệu nhựa phụ thuộc hoàn toàn vào giá dầu, việc giá khí thiên nhiên thấp giúp giữ giá hạt nhựa không tăng mạnh trong những năm gần đây giúp cho giá nguyên vật liệu đầu vào được ổn định. Với việc sản lượng khai thác của các quốc gia OPEC vẫn cao, giá dầu dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức độ thấp trong giai đoạn tới. Kể cả khi nhóm các nước OPEC đã thống nhất cắt giảm sản lượng khai thác nhằm mục đích kéo giá dầu hồi phục thì điều này cũng không kéo dài được lâu, vì khi giá dầu hồi phục, những nhà sản xuất dầu đá phiến tại Mỹ sẽ hoạt động trở lại, kéo theo nguồn cung gia tăng. Việc giá dầu duy trì ở mức thấp cùng với giá khí không cho thấy dấu hiệu tăng sẽ giúp giá nguyên liệu đầu vào của ngành công nghiệp nhựa được dự báo sẽ vẫn duy trì ở mức thấp như hiện tại.

Rủ ro Nguyên vật liệu đầu vào





Rủ ro Cạnh tranh

- Mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành: Ngành nhựa bao bì vẫn tăng trưởng tuy nhiên gia tốc tăng trưởng đang chậm lại, số lượng công ty sản xuất bao bì lớn, điều này khiến mức độ cạnh tranh trong mảng nhựa bao bì ngày càng gia tăng. Những công ty FDI đầu tư vốn vào sản xuất nhựa ngày một nhiều, với dây chuyền máy móc hiện đại, hệ thống quản lý tốt cũng đặt ra nguy cơ mất thị phần đối với những công ty nội địa trong tương lai. Xuất khẩu các sản phẩm nhựa của Việt Nam chủ yếu đến từ những công ty FDI (chiếm 60% về giá trị xuất khẩu), điều này cho thấy khả năng xuất khẩu của các công ty nội địa còn thấp, vì thế thị trường tiêu thụ trong nước sẽ chứng kiến sự cạnh tranh ngày một cao.
 - Rào cản gia nhập ngành: việc thành lập và phát triển một công ty sản xuất bao bì nhựa đòi hỏi vốn không nhiều, dây chuyền công nghệ sản xuất về kỹ thuật không quá phức tạp.
 - Sản phẩm thay thế: Cùng với sự phát triển của khoa học và công nghệ vật liệu, tính bất ngờ của các sản phẩm thay thế cho nhựa là không thể bỏ qua. Tuy nhiên, Các sản phẩm từ nhựa hiện nay đang được tiêu thụ rộng rãi các sản phẩm nhựa bởi tính nhẹ, bền, dẻo dai và chi phí thấp. Chính vì những ưu điểm đó mà việc sử dụng rộng rãi đã tạo cho các sản phẩm này lợi thế mà ít các sản phẩm hay chất liệu khác có thể dùng để thay thế được.
 - Sức mạnh nhà cung cấp: Nguyên liệu nhựa đầu vào chiếm 70-80% chi phí sản xuất của các công ty nhựa, điều này khiến vị thế của các công ty cung ứng nguyên liệu nhựa mạnh hơn so với các công ty sản xuất sản phẩm nhựa. Nguyên liệu nhựa chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài tới 80%, nguồn cung trong nước hạn chế khiến vị thế của các công ty sản xuất nhựa trong nước đối với những đối tác cung ứng nước ngoài trở nên yếu đi. Công nghiệp hóa dầu của Việt Nam còn non trẻ, sản phẩm của ngành chưa đáp ứng được về cả chủng loại cũng như sản lượng, khả năng tự chủ được nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước sẽ chưa thể cải thiện trong tương lai gần mặc dù các dự án phát triển hóa dầu đã được triển khai.
- Sức mạnh người mua:

Các sản phẩm nhựa bao bì có nhiều sự lựa chọn về mẫu mã, chất lượng, cạnh tranh từ các sản phẩm nhựa nhập khẩu;

Thói quen tiêu dùng sành ngoại của người Việt

Xét về nhu cầu và khả năng đáp ứng của ngành nhựa Việt Nam, hiện nay các sản phẩm nội địa mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ nhu cầu về sản phẩm nhựa chất lượng cao.

Những yếu tố trên cho thấy người mua hàng có rất nhiều lựa chọn và đang ở vị thế cao hơn so với những doanh nghiệp trong ngành. Do đó, Công ty phải có nhiều chính sách bán hàng để thu hút đối tác hơn nữa, điều này dẫn đến những rủi ro về thu hồi công nợ, thương thảo giá cả với khách hàng..



Rủ ro Khác


Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

Rủ ro Tỷ giá

Đặc thù nổi bật của ngành Nhựa Việt Nam là phải nhập khẩu đến 85% – 90% nguyên liệu đầu vào phục vụ cho quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm. Trong khi đó, giá nhập khẩu các chủng loại nguyên liệu Nhựa luôn có sự biến động theo sự biến động của giá dầu trên thế giới, tạo sức ép lớn đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nhựa Việt Nam. CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ không nằm ngoài đặc điểm chung đó. Ngoài nhập khẩu nguyên vật liệu, Công ty còn có các mặt hàng xuất khẩu ra nước ngoài. Do đó, rủi ro tỷ giá là cũng là một rủi ro quan trọng được Công ty theo dõi và đánh giá thường xuyên để có những động thái phù hợp về bán hàng trong quá trình giao thương.



Tình hình hoạt động



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	% TH/KH
I	Sản lượng sản xuất				
Sản phẩm truyền thống		Ng. bao	50.000	50.626	101,25%
1	Bao Ure Phú Mỹ/ bao XK	Ng. bao	16.400	16.330	99,57%
2	Bao phân bón của TCty	Ng. bao	3.000	4.134	137,80%
3	Bao PBNS quy đổi	Ng. bao	21.800	17.584	80,66%
-	<i>Bao PBNS trong nước</i>	<i>Ng. bao</i>	<i>7.490</i>	<i>6.591</i>	<i>88,00%</i>
-	<i>Bao PBNS xuất khẩu</i>	<i>Ng. bao</i>	<i>8.510</i>	<i>5.225</i>	<i>61,40%</i>
-	<i>Túi xách siêu thị</i>	<i>Ng. bao</i>	<i>5.800</i>	<i>5.768</i>	<i>99,45%</i>
4	Bao xi măng thành phẩm	Ng. bao	4.200	1.416	33,71%
5	Bao xi măng khác	Ng. bao	4.600	11.162	242,65%
Bao Jumbo		Ng. bao	175.000	194.986	111,42%
II	Sản lượng tiêu thụ				
Sản phẩm truyền thống		Ng. bao	50.000	50.877	101,75%
1	Bao Ure Phú Mỹ/ bao XK	Ng. bao	16.400	16.483	100,51%
2	Bao phân bón của TCty	Ng. bao	3.000	4.069	135,63%
3	Bao PBNS quy đổi	Ng. bao	21.800	17.868	81,96%
-	<i>Bao PBNS trong nước</i>	<i>Ng. bao</i>	<i>7.490</i>	<i>7.314</i>	<i>97,65%</i>
-	<i>Bao PBNS xuất khẩu</i>	<i>Ng. bao</i>	<i>8.510</i>	<i>4.876</i>	<i>57,30%</i>
-	<i>Túi xách siêu thị</i>	<i>Ng. bao</i>	<i>5.800</i>	<i>5.678</i>	<i>97,90%</i>
4	Bao xi măng thành phẩm	Ng. bao	4.200	1.516	36,10%
5	Bao xi măng khác	Ng. bao	4.600	10.940	237,83%
Bao Jumbo		Ng. bao	175.000	183.125	104,64%
III	Chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	262.693	286.766	109,16%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	249.713	273.743	109,62%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	12.980	13.023	100,33%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	10.340	10.348	100,08%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	%	24,60	24,64	-
6	Tỷ suất LNST/VCSH	%	16,40	16,12	-
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	17,00	17,00	-



STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	% TH/KH
8	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tr. đồng	17.190	12.560	73,07%
IV	Lao động và thu nhập				
-	Lao động bình quân	Người	500	468	93,60%
-	Quỹ lương	Tr. đồng	43.500	40.700	93,56%
-	Tiền lương bình quân (người/tháng)	Tr. đồng	7.250	7.250	100,00%
V	Đầu tư và Mua sắm	Triệu đồng	51.050	19,00	37%

Năm 2016, hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra không quá sai khác với kế hoạch đặt ra ban đầu của Ban điều hành. Ban điều hành luôn theo dõi sức khỏe tài chính của Công ty nhằm bám sát mục tiêu kinh doanh. Tùy vào tình hình của nền kinh tế, vào nhu cầu thị trường để đưa ra những chính sách phù hợp giữa bán hàng và tồn kho.

Thực tế cho thấy, sản lượng sản xuất cung ứng đủ cho sản lượng sản phẩm tiêu thụ, không để hàng tồn hoặc thiếu hụt hàng quá nhiều khi cung cấp cho các khách hàng. Cụ thể, sản lượng bao truyền thống sản xuất trong năm đạt hơn 50 triệu bao, vượt 1,25% kế hoạch. Bao phân bón nông sản (PBNS) quy đổi đạt hơn 17 triệu bao; trong đó, sản xuất để tiêu thụ trong nước đạt hơn 6 triệu bao, bằng 88% kế hoạch, sản xuất để xuất khẩu hơn 5 triệu bao đạt 61% kế hoạch và túi xách siêu thị hơn 5 triệu bao đạt 99,45% kế hoạch. Nguyên nhân của việc không đạt được kế hoạch này là do phân khúc này quá nhiều cạnh tranh, chủ yếu là các doanh nghiệp tư nhân đua nhau giành thị phần này đón đầu

dịch chuyển hàng gia công vào Việt Nam do chi phí nhân công giá rẻ, chính sách bán hàng của các doanh nghiệp linh hoạt nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm và giữ khách hàng với giá cạnh tranh. Một biến động lớn trong hoạt động sản xuất của Công ty là việc bao xi măng thành phẩm bị giảm mạnh và chỉ đạt 36% kế hoạch do việc tiêu thụ dòng bao này bị ngưng kể từ tháng 04. Tuy nhiên, với bao xi măng khác tăng đột biến trong năm qua đạt hơn 11 triệu bao, đạt 237,83% so với kế hoạch đã phân nào bù đắp được sự sụt giảm của bao xi măng thành phẩm khiến cho kết quả sản xuất chung không bị sụt giảm một cách đột biến.

Công ty theo dõi hàng tồn kho để sẵn sàng cung ứng khi ký kết các hợp đồng, các mặt hàng còn tồn kho nhiều sẽ ưu tiên xuất trước và sản xuất ở mức vừa đủ để không bị dồn ứ, hao tổn chi phí lưu kho. Ngược lại, các mặt hàng bán chạy sẽ đẩy nhanh việc sản xuất nắm bắt một cách triệt để nhu cầu, thị hiếu của khách hàng.

Mặc dù còn nhiều khó khăn trong năm vừa qua, Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên Công ty đã cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Doanh thu năm 2016 đạt 286,7 tỉ đồng, chiếm 109,162% kế hoạch đề ra. Chi phí tăng tương ứng khiến cho lợi nhuận sau thuế ở mức 10 tỉ đồng, chiếm 100,08% kế hoạch.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Hiến	Chủ tịch	Thành viên không điều hành
2	Trần Anh Tú	Thành viên	Thành viên điều hành
3	Lê Hồng Quân	Thành viên	Thành viên không điều hành
4	Trần Thị Hồng Quyên	Thành viên	Thành viên không điều hành
5	Hồ Thị Minh Hòa	Thành viên	Thành viên không điều hành





Ông Phạm Văn Hiến - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/10/1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 419/A13 Trương Công Định, Phường 3, Tp Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quá trình công tác:
- Số CMND: 273248787; Nơi cấp: CA. BRVT; Ngày cấp: 13/04/2004
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị - TV không điều hành

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1979-08/1981	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Nhân viên cơ yếu
Từ 09/1981-03/1984	Trường Cơ yếu Hà Nội	Học viên
Từ 04/1984-04/1985	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo	Cán bộ Cơ yếu
Từ 05/1985- 12/1988	Văn phòng Huyện ủy Côn Đảo – Cán bộ Cơ yếu	Bí thư Chi đoàn
Từ 01/1989- 10/1992	Văn phòng Đặc khu Ủy Vũng Tàu – Côn Đảo, Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Cán bộ Cơ yếu
Từ 11/1992–02/2003	Văn phòng Tỉnh ủy Bà Rịa – Vũng Tàu	Trưởng phòng Cơ yếu, Chi ủy viên Chi bộ tổng hợp
Từ 03/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Chủ tịch kiêm Giám đốc
Từ 04/2008 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 208.270 cổ phần; chiếm 4,96% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Công ty TNHH Hương Phong: 1.428.000 cổ phần, chiếm 34% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%



Ông Trần Anh Tú – TV HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/05/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 72 ngách 155/206 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
- Quá trình công tác:
 - Số CMND: 012624850, cấp ngày 30/08/2011, tại Công an Hà Nội
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty – TV điều hành

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT (liên doanh Ngân hàng Quốc tế Việt Nam và Công ty Cơ khí Ngô Gia Tự)	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 – 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 812.300 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 19,34% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm	Tỷ lệ nắm giữ
Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	10.000	0,23
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	10.000	0,23
Trần Hải Thanh	Em ruột	10.000	0,23
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí –	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34



Ông Lê Hồng Quân - TV HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/10/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: 41/11 đường số 9, khu phố 4, P.Bình An, Q.2, Tp.HCM.
- Quá trình công tác:
 - Số CMND: 025163995 do Công an TP HCM cấp ngày 19/05/2010
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Kinh tế
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: TV Hội đồng quản trị Công ty - TV không điều hành

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 05/1995 – 03/2000	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Chuyên viên kế toán
Từ 04/2000 – 01/2002	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Phó phòng Kế toán
Từ 02/2002 – 07/2007	Công ty xây dựng và SXVLXD – Tổng Cty XD số 1 – Bộ XD	Kế toán trưởng
Từ 08/2007 – 08/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Phó phòng TCKT
Từ 09/2007 – 12/2007	Ban quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch	Kế toán trưởng
Từ 01/2008 - 04/2009	Công ty tư vấn QLDA điện lực Dầu khí 2	Kế toán trưởng
Từ 05/2009 - 04/2010	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng
Từ 05/2010 – nay	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	UV BCH Đảng bộ, Kế toán trưởng
Từ 4/2012 - nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 504.000 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 12% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%



Bà Trần Thị Hồng Quyên – TV HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 18/09/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Bà Rịa - Vũng Tàu
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: C10 - 11 Hồ Quý Ly, Phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu..
- Quá trình công tác:
- Số CMND: 273107975 cấp ngày 04/10/1998 tại Công an tỉnh BR – VT
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2003 - 2012	Nhà máy Sản xuất Bao bì Hương Phong, nay là CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó phòng Kế hoạch Vật tư, TV Hội đồng quản trị
2012 – 02/2016	Nhà máy Sản xuất Bao bì Hương Phong, nay là CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, TV Hội đồng quản trị
02/2016 - Nay	Nhà máy Sản xuất Bao bì Hương Phong, nay là CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư, TV Hội đồng quản trị

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: không sở hữu cổ phiếu



Bà Hồ Thị Minh Hòa - TV HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 14/10/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Vũng Tàu
- Địa chỉ thường trú: 19 Nguyễn Thiện Thuật, P.Thắng Nhất, TP Vũng Tàu.
- Quá trình công tác:
 - Điện thoại liên lạc: 0983 870 508
 - Số CMND: 273061265 cấp tại Công an BR-VT ngày 04/04/2012
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh – Thương mại
 - Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: TV Hội đồng quản trị - TV không điều hành

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 10/2003 – 3/2005	Công ty Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam (OSC)	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 04/2005 – 01/2006	Công ty TNHH Hương Phong	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 2/2006- 2/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Thư ký Giám đốc
Từ 3/2008- 10/2008	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 11/2008 - 3/2011	Công ty TNHH Hương Phong	Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ tháng 03/2011 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư
Từ 2009 đến nay	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	TV HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư - Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 252.000 cổ phần (Công ty TNHH Hương Phong), chiếm 6% vốn điều lệ

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Chu Xuân Hải	Trưởng Ban kiểm soát	0	0%
2	Nguyễn Thị Thu Oanh	TV Ban kiểm soát	0	0%
3	Phạm Văn Khánh	TV Ban kiểm soát	270	0,006%





Ông Chu Xuân Hải - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/12/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số 3 Ngách 40/30 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Quá trình công tác:
- Điện thoại liên lạc: 0907.557.882
- Số CMND: 012321395
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Trưởng Ban kiểm soát

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/2006 - 05/2007	Văn Phòng Đại Diện DIO Implant tại Việt Nam	Nhân viên kinh doanh
Từ 06/2007 - 06/2008	Ngân hàng TMCP Nam Việt	Chuyên viên quan hệ khách hàng
Từ 07/2008 - 06/2010	Ngân hàng TMCP Liên Việt – CN Tân Bình	Chuyên viên Khách hàng Doanh Nghiệp
Từ 06/2010- 06/2011	Ngân hàng TPCP Liên Việt Phòng Giao Dịch Tân Sơn Nhất	Quyền Giám Đốc
Từ 08/2011 - 10/2011	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam CN Gia Định	Phó phòng kiêm trưởng nhóm Khách hàng doanh nghiệp
Từ 10/2011 – đến nay	Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu khí	Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán
Từ 2013 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài Chính Kế toán - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34%



Bà Nguyễn Thị Thu Oanh - TV Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/10/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Cao Bằng
- Địa chỉ thường trú: 511/22 Huỳnh Văn Bánh, P.14, Q.Phú Nhuận, Tp.HCM.
- Quá trình công tác:
- Điện thoại liên lạc: 0908.828.949
- Số CMND: 022464960 ngày cấp 03/04/2015 tại TP. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 08/1996 - 05/2008	Công ty Liên Doanh Cityview	Chuyên viên kế toán
Từ 05/2008 - 10/2009	Công ty Liên Doanh Cityview	Phó phòng kế toán
Từ 10/2009 đến nay	TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Thành viên Ban Kiểm soát
Từ năm 2011 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.000	43,34%



Ông Phạm Văn Khánh - TV Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/11/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số 47 đường Phạm Thế Hiển, Phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Quá trình công tác:
- Điện thoại liên lạc: 0918003453
- Số CMND: 273510262, do Công an BR-VT cấp ngày 31/10/2009
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên Ban kiểm soát

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1986 – 08/1989	Trung đoàn 434, Quân đoàn 4	Chiến sỹ tài vụ Trung đoàn 434
Từ 09/1989 – 08/1983	XN Cơ điện lạnh, Công ty đầu tư xây dựng và thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
Từ 09/1993 – 12/1997	Trường đại học Mở Bán Công TP HCM và Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Học đại học và là Nhân viên phòng kế hoạch –kinh doanh
Từ 01/1997 – 12/1998	Xí nghiệp Cơ điện lạnh thuộc Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	Nhân viên phòng kế hoạch – kinh doanh
Từ 01/1999 – 05/2003	Công ty phát hành phim và chiếu bóng Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu	Kế toán tổng hợp
Từ 06/2003- 12/2003	Công ty TNHH Hương Phong	Kế toán tổng hợp
12/2003 đến nay	Công ty TNHH Hương Phong	Phó phòng Kế toán
Từ 05/2008 – nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên Ban kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó phòng Kế toán - Công ty TNHH Hương Phong
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 270 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Công ty TNHH Hương Phong	Chủ sở hữu	1.680.000	40%

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ
1	Trần Anh Tú	Giám đốc	832.300	19,82%
2	Trương Đình Thanh	Phó Giám đốc	5.000	0,12%
3	Phạm Ngọc Thiệp	Phó Giám đốc	5.000	0,12%
4	Cao Vĩnh Hậu	Kế toán trưởng	4.600	0,11%





Ông Trần Anh Tú – Giám đốc

- Ngày sinh: 26/05/1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 72 ngách 155/206 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội
- Quá trình công tác:
- Số CMND: 012624850, cấp ngày 30/08/2011, tại Công an Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1999-2001	Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển INVESTPRO	Phó phòng Luật
Từ 2001- 2007	Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam, Công ty Cơ khí Ngộ Gia Tự	Trưởng Ban Dự án
Từ 2005- 2008	Công ty TNHH VIBank –NGT (liên doanh Ngân hàng Quốc tế Việt Nam và Công ty Cơ khí Ngộ Gia Tự)	Giám đốc Dự án
Từ 2008 - 2009	Công ty Cổ phần Bất động sản Quốc tế	Giám đốc điều hành
Từ 05/2009 – 6/2012	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP	Phó trưởng Ban Pháp chế
Từ 07/2012 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần, chiếm 0,48% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 812.300 cổ phần (Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP), chiếm 19,34% vốn điều lệ
 - Những người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trần Đăng Tuấn	Bố đẻ	10.000	0,23
Phạm Thị Thoan	Mẹ đẻ	10.000	0,23
Trần Hải Thanh	Em ruột	10.000	0,23
Tổng Công ty phân bón và hóa chất dầu khí – CTCP	Chủ sở hữu	1.820.300	43,34



Ông Trương Đình Thanh – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/10/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Hưng Phúc, Vinh, Nghệ An
- Điện thoại liên lạc: 0908 596 636
- Số CMND: 187338036 cấp ngày 22/12/2010 tại Công an tỉnh Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1991-1992	Nhà máy Z171 Tổng cục kỹ thuật – Bộ quốc phòng	Phó quản đốc xưởng cơ khí
Từ 1992-1994	Nhà máy Z171 Tổng cục kỹ thuật – Bộ quốc phòng	Trưởng phòng Hành chính quản trị
Từ 1994 - 2001	Nhà máy Bao bì Nhựa Quân khu 4	Trưởng Ban kỹ thuật công nghệ
Từ 2001 - 2004	Công ty DV-CN Nghệ An	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ
Từ 7/2004 - 5/2008	Nhà máy Bao bì Hương Phong	Phó Giám đốc
Từ 5/2008 - 12/2008	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc
Từ 2009 - 2012	CTCP Bao bì Đồng Phú	Phó Giám đốc
Từ 2012 - 7/2013	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Chuyên gia
Từ 2013 đến nay	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Giám đốc Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Trương Đình Xuân	Em ruột	12.000	0,29%
Trương Tuấn Anh Minh	Con ruột	3.000	0,07%



Ông Phạm Ngọc Thiệp – Phó Giám đốc

- Điện thoại liên lạc: 0983.744.005
- Số CMND: 141963527 cấp ngày 24/02/2010 tại Công an tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Phó Giám đốc Công ty
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/10/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Thôn Đình Như, Xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, Hải Dương.
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 7/2003 - 5/2005	Công ty cổ phần Vận tải Nam Phát	Nhân viên Xuất nhập khẩu
Từ 6/2005 - 03/2008	Nhà máy Bao bì Hương Phong - Công ty TNHH Hương Phong.	Nhân viên kinh doanh
Từ 04/2008 - 03/2011	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư
Từ 03/2011 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Phó Bí thư Chi bộ, Phó Giám đốc Kinh doanh

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần; chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Thị May	Vợ	5.000	0,12



Ông Cao Vĩnh Hậu – Kế toán trưởng

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/07/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Quảng Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 8 Ấp Thị Vải Xã Mỹ Xuân Tân Thành BRVT.
- Điện thoại liên lạc: 0902.827.182
- Số CMND: 273589241 cấp ngày 12/4/2012 tại Công an tỉnh BR – VT
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1/2002 - 6/2003	CTCP Đầu tư công nghệ Bách Việt	Kế toán tổng hợp
Từ 7/2003 - 10/2004	IDICO CONAC	Kế toán tổng hợp
Từ 11/2004 - 2007	Nhà máy sản xuất Bao bì Hương Phong	Kế toán tổng hợp
Từ 2007 đến nay	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Kế toán trưởng

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có
- Sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 4.600 cổ phần; chiếm 0,11%% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Đặng Thị Thanh Thúy	Vợ	5.000	0,12
Cao Thị Mỹ Linh	Em ruột	3.000	0,07

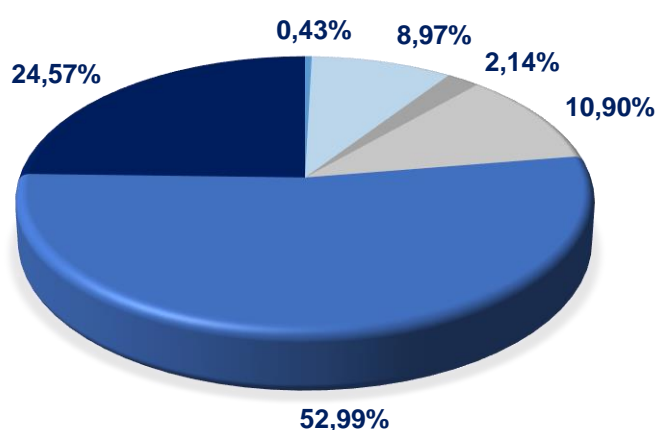
Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2016

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Phạm Văn Quý	TV Hội đồng quản trị		25/02/2016
2	Trần Thị Hồng Quyên	TV Hội đồng quản trị	25/02/2016	-

Số lượng cán bộ công nhân viên

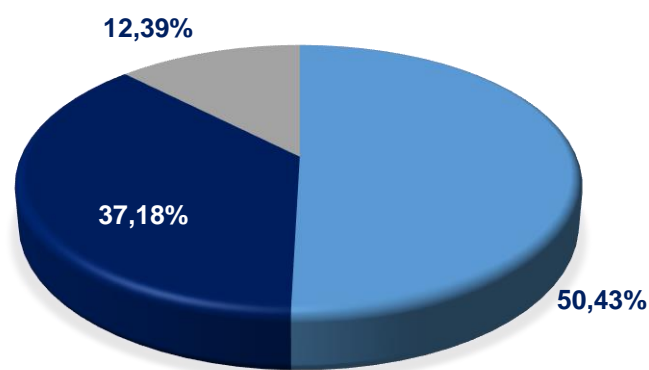
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	468	100%
1	Trên đại học	02	0,43%
2	Đại học	42	8,97%
3	Cao đẳng	10	2,14%
4	Trung cấp	51	10,90%
5	CNKT	248	52,99%
6	Khác	115	24,57%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	468	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	236	50,43%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	174	37,18%
3	Hợp đồng theo thời vụ	58	12,39%

THEO TRÌNH ĐỘ



■ Trên đại học
 ■ Đại học
 ■ Cao đẳng
■ Trung cấp
 ■ CNKT
 ■ Khác

THEO HỢP ĐỒNG

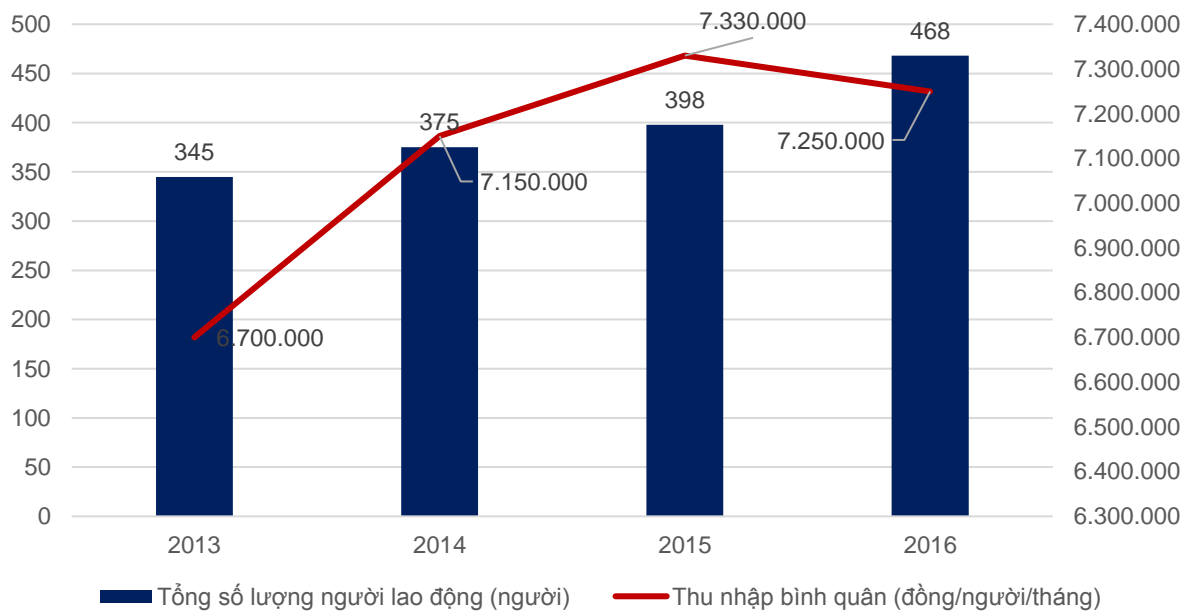


■ Hợp đồng có xác định thời hạn
■ Hợp đồng không xác định thời hạn
■ Hợp đồng theo thời vụ

Thu nhập bình quân

STT	Năm	Tổng số lượng người lao động (người)	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)
1	2013	345	6.700.000
2	2014	375	7.150.000
3	2015	398	7.330.000
4	2016	468	7.510.000

Tình hình lao động và tiền lương bình quân



Chính sách nhân sự

Với mục tiêu ngày càng nâng cao hiệu quả kinh doanh và đời sống cho người lao động, tạo động lực cho nhân viên không ngừng phấn đấu và gắn bó lâu dài với công ty, DPMP đã đặt ra kế hoạch và chính sách đối với người lao động như sau:

- Bố trí, đào tạo, luân chuyển và phát triển nguồn nhân lực theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Nâng cao năng suất, chất lượng lao động trong toàn Công ty, đảm bảo tốc độ tăng lao động thấp hơn tốc độ tăng doanh thu.
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, quy trình, quy chế từ tuyển dụng - đào tạo - sử dụng - đánh giá - đãi ngộ phù hợp.
- Đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho CB.CNV, đặc biệt là đội ngũ kinh doanh và thị trường.
- Xây dựng, ban hành hệ thống tiêu chuẩn chức danh công việc, chính sách nhân viên và chế độ lương, thưởng, đãi ngộ theo năng lực và hiệu quả công việc, đảm bảo cạnh tranh so với thị trường nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc và gắn bó lâu dài với Công ty.
- Đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động cạnh tranh với thị trường và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu cuộc sống của người lao động.
- Người lao động làm việc tại DPMP được hưởng đầy đủ các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp thôi việc theo đúng luật định.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần kỷ luật cao trong đội ngũ cán bộ - công nhân viên.
- Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiện đại; khuyến khích cho cán bộ - công nhân viên học tập, nâng cao trình độ.
- Hàng năm công ty có tổ chức cho CBCNV đi tham quan, nghỉ mát.

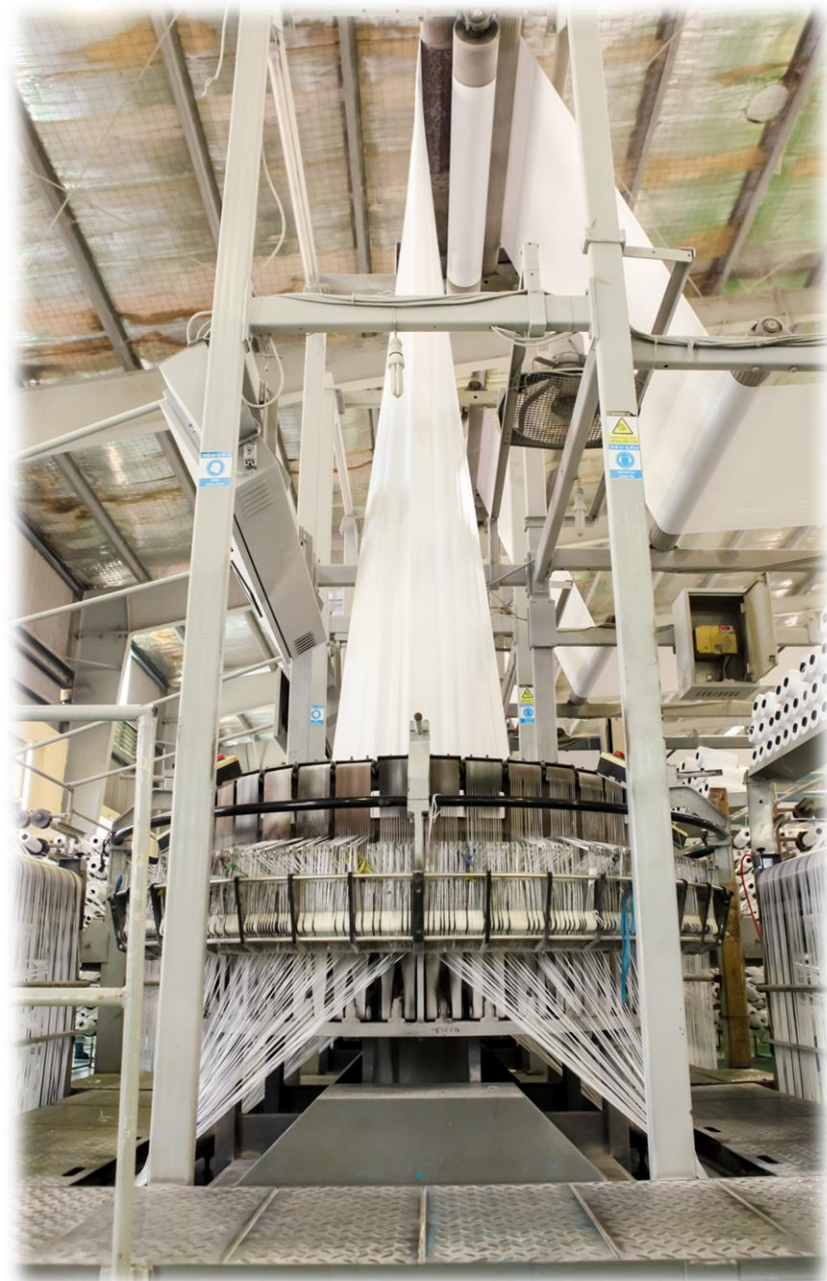


Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo và được điều chỉnh tăng vốn ngày 11/11/2016 với tổng mức đầu tư là 33.140.000.000đ đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của Dự án trong quý 1/2017. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 5.821.617.808 đồng.

Chi tiết tình hình đầu tư như sau:

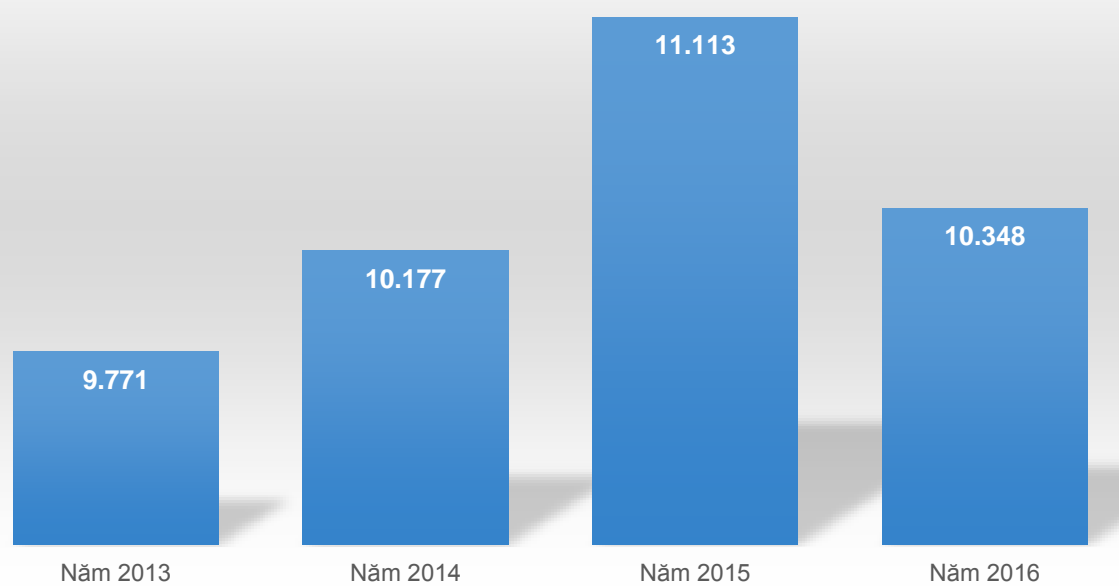
Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
Dự án Jumbo	276.645.520	5.494.945.513
Máy dệt 2016	-	2.721.900.356
Dàn máy may jumbo	-	326.672.295
Dự án BOPP	-	480.675.950
Tổng cộng	276.645.520	9.024.194.114



Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tăng/giảm 2016
1	Tổng giá trị tài sản	124.503	142.893	114,77%
2	Doanh thu thuần	294.832	286.394	97,14%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.386	12.944	104,51%
4	Lợi nhuận khác	277	79	28,43%
5	Lợi nhuận trước thuế	12.663	13.023	102,84%
6	Lợi nhuận sau thuế	11.113	10.348	93,12%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	68,03%	69,00%	101,43%
8	Tỷ lệ cổ tức	18,00%	17,00%	-
9	Cổ tức	7.560	7.140	-

Lợi nhuận sau thuế



Năm 2016, Công ty đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như biến động giá nguyên vật liệu, nhu cầu về xi măng thành phẩm giảm, cạnh tranh xảy ra khốc liệt hơn,... đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của PMP chỉ có thể ở mức duy trì so với năm 2015. Doanh thu thuần đạt hơn 286 tỷ đồng, giảm 2,86% so với cùng kỳ năm trước, ngoài ra năm 2016 là năm đầu tiên Công ty không còn được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đó lợi nhuận sau thuế giảm 6,68% so với năm trước và chỉ đạt hơn 10 tỷ đồng.



Tuy nhiên, năm 2017 còn khá nhiều cơ hội mở ra. Tiềm năng của ngành nhựa còn rất lớn, với chỉ số tiêu thụ nhựa bình quân đầu người của Việt Nam chỉ mới đạt mức 41 kg/năm, còn khá thấp so với mức bình quân của châu Á là 48kg/năm và của thế giới là 70kg/năm. Các hiệp định thương mại quốc tế như Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) cũng đem lại kỳ vọng lớn cho các doanh nghiệp nhựa trong nước. Sự ấm lên của bất động sản trong năm tới sẽ kéo theo ngành xây dựng tăng trưởng, từ đó, vật liệu xây dựng có tiềm năng phát triển mạnh, nhu cầu về bao bì phục vụ cho xây dựng phục hồi. Công ty có đủ cơ sở tin tưởng vào những tiềm lực thúc đẩy sự phát triển trong năm 2017.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,39	1,23
+ Hệ số thanh toán nhanh $\frac{\text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần	0,80	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,49	0,55
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,98	1,23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	9,52	5,62
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,52	2,14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,77%	16,12%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	18,04%	7,74%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	9,50%	4,52%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,20%	16,29%



CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ



“Quản lý và vận hành Nhà máy

An toàn

Hiệu quả ”



Tình hình cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 4.200.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 4.200.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/12/2016)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1.820.300	18.203.000.000	43,34%
II	Cổ đông trong nước	2.379.700	23.797.000.000	56,66%
1	Cá nhân	651.200	6.997.000.000	16,66%
2	Tổ chức	1.725.700	16.800.000.000	40,00%
III	Cổ đông nước ngoài	2.800	28.000.000	0,07%
1	Cá nhân	2.800	28.000.000	0,07%
2	Tổ chức	-	-	-
	Tổng cộng	4.200.000	42.000.000.000	100,00%

Danh sách cổ đông lớn

(tính đến ngày 31/12/2016)

STT	Tên nhà đầu tư	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	1.820.300	43,34%
2	Công ty TNHH Hương Phong	1.680.000	40,00%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.


CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
Bà Rịa - Vũng Tàu, Ngày 22 tháng 04 năm 2016



Chiều ngày 22/4/2016 tại Bà Rịa - Vũng Tàu, CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo Packaging - PMP) đã tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Về phía các cổ đông lớn của Công ty có bà Nguyễn Thị Hiền - Phó chủ tịch Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); ông Từ Cường - Phó Tổng Giám đốc PVFCCo cùng các ông/bà đại diện các Ban, đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty; về phía cổ đông Công ty TNHH Hương Phong có ông Trần Thượng Tín - Phó Giám đốc Công ty cùng đại diện các cán bộ thuộc Công ty Hương Phong. Với những kết quả đạt được, Công ty đã nhận được sự đánh giá tích cực của các cấp lãnh đạo và cổ đông.

Toàn bộ các nội dung được báo cáo, đệ trình tại phiên họp đều được các cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết cao, thể hiện ý chí quyết tâm cũng như sự ủng hộ, đồng thuận của các cổ đông đối với Công ty.

Phát biểu tại phiên họp, Bà Nguyễn Thị Hiền – Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty đã biểu dương những kết quả mà PVFCCo Packaging đã đạt được, và chúc cho tập thể lãnh đạo và người lao động của Công ty tiếp tục vượt qua những thách thức, chinh phục những mục tiêu mới, góp phần cho sự phát triển của PVFCCo Packaging, nâng cao giá trị cổ phiếu và mang lại lợi tức tối đa cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu PMP. Đồng thời, với vai trò là cổ đông lớn, Tổng Công ty cũng cam kết duy trì việc giao dịch với Công ty trong việc Cung cấp sản lượng bao bì phân bón để góp phần hoàn thành các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tách nhiệm với môi trường và cộng đồng

Hoạt động của doanh nghiệp có những tác động tích cực và tiêu cực tới vấn đề môi trường và ngược lại môi trường cũng góp phần tạo nên những thuận lợi hay khó khăn trong việc sản xuất. Mọi hoạt động của Doanh nghiệp đều ảnh hưởng đến môi trường, nhất là đối với những Doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nói chung và CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ nói riêng. Trong năm 2016, Công ty quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào một cách hợp lý để đảm bảo hoạt động sản xuất được đều đặn, đạt năng suất đồng thời cũng tiết kiệm vừa hạn chế chi phí quản lý vừa góp phần chung tay bảo vệ môi trường như sau:

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: 4,52%. Tuy tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế còn thấp nhưng cũng cho thấy sự ý thức của Công ty đối với việc tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu. Với ngành nghề sản xuất bao bì như PMP thì việc tận dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế có một ý nghĩa nhất định nếu thực sự khai thác tốt nguồn tái chế này. Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn khuyến khích công nhân nhà máy sử dụng nguyên vật liệu đúng và đủ nhằm tiết kiệm chi phí đầu vào, đảm bảo lợi nhuận đầu ra.
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.
 - Tổng điện năng tiêu thụ 3.600.000 kWh/năm trong đó
 - Tiêu thụ điện cho sản xuất: 3.420.000 kWh/năm
 - Tiêu thụ gián tiếp: 180.000 kWh/năm

Đối với doanh nghiệp sản xuất như PMP thường xuyên vận hành các máy móc có công suất lớn đòi hỏi mức điện năng tiêu thụ rất nhiều. Công ty đánh giá với mức sử dụng như trên là hợp lý. Ngoài ra, ý thức được việc sử dụng điện ở mức hợp lý là điều cả xã hội hiện đang quan tâm, Công ty chú ý đề ra các biện pháp như hưởng ứng giờ trái đất, chương trình tập huấn, hội thảo để cung cấp những kiến thức về nguyên lý hoạt động, công nghệ vận hành, giải pháp kỹ thuật sử dụng tiết kiệm năng lượng trong hệ thống, kỹ thuật vận hành an toàn, hiệu quả và tiết kiệm... tại các dây chuyền sản xuất trong nhà máy. Từ đó, góp phần nâng cao kiến thức quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm cho công nhân và cán bộ quản lý năng lượng, góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Song song đó, Công ty chú trọng đầu tư các thiết bị mới, duy tu, sửa chữa các thiết bị cũ, hòng giảm thiểu mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu.

Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên vô giá nhưng lại không vô tận, chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết nhất là việc sử dụng nước vào trong sản xuất với một lượng lớn như hiện nay. Công ty sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy nước sạch cung cấp với tổng lượng nước sử dụng 17.175 m³ trong năm vừa qua. Ban lãnh đạo Công ty lưu ý về các phòng ban những quy định về ý thức tiết kiệm nước bằng các biện pháp:

- Khóa kỹ các vòi nước khi không dùng, sửa chữa ngay khi có dấu hiệu nhỏ giọt.
- Kiểm tra và khắc phục rò rỉ ống nước định kỳ để có biện pháp khắc phục nhanh nhất.
- Tận dụng nước sử dụng nhiều lần.
- Các biện pháp khác

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

Công ty luôn tuân thủ pháp luật môi trường. Đề ra các biện pháp như sau:

- Các quy trình sản xuất luôn được kiểm tra và tuân thủ theo quy định, hạn chế tối đa việc phát thải ra môi trường. Tuy việc tác động đến môi trường là không thể tránh khỏi nhưng bằng việc tuân thủ theo quy trình, kịp thời sửa chữa những lỗi kỹ thuật sẽ góp phần hạn chế sự tương tác gây ô nhiễm cho môi trường.
- Sử dụng các thiết bị, dây chuyền một cách hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và các nguyên liệu thô; hướng đến việc sử dụng những nguồn năng lượng sạch, năng lượng thiên nhiên nhằm không tạo ra những chất độc hại, thải khói bụi ảnh hưởng đến môi trường sống xung quanh Công ty.
- Vận hành các xưởng, nhà máy phù hợp theo quy định về môi trường của Chính phủ. Hướng ứng các sáng kiến của Chính phủ về thúc đẩy việc bảo vệ môi trường.
- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho người lao động, công nhân viên về tác động tiềm tàng của hoạt động nhà máy đối với môi trường, và các biện pháp thích hợp để giảm thiểu các tác động đó.
- Liên tục theo dõi các tác động của nhà máy đối với môi trường, cử cán bộ nghiên cứu, tìm hiểu về các vấn đề, các chỉ tiêu về môi trường để có thể chuyên môn hóa, hiểu biết đúng về các biện pháp hạn chế phát thải, phân tích môi trường xung quanh và đưa ra các hướng giải quyết khi có các vấn đề xảy ra một cách kịp thời.

Chính sách liên quan đến người lao động

- Tổng số lao động năm 2016 là 468 người với mức thu nhập bình quân 7,51 triệu đồng/người/tháng bằng 102,4% so với năm 2015.
- Về các chính sách khác: Công ty có 1 cán bộ y tế hàng ngày chăm sóc, tư vấn sức khỏe cho CBCNV, ngoài ra mỗi năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám phụ khoa cho CBCNV nữ 2 lần/năm; khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV 2 lần/năm. Tính đến thời điểm hiện nay tại Công ty không có CBCNV nào bị mắc bệnh nghề nghiệp. Bên cạnh đó Công ty duy trì chế độ ăn ca 30.000đ/suất ăn, duy trì bồi dưỡng hiện vật hàng ngày cho CBCNV. Ngoài ra, Công ty duy trì hỗ trợ tiền thuê nhà trọ cho CBCNV ở xa với mức 200.000đ/người/tháng, tổ chức cho CBCNV đi tham quan nghỉ mát hàng năm với số tiền bình quân 3 triệu đồng/người.
- Hoạt động đào tạo người lao động chủ yếu được thực hiện đối với những lao động trực tiếp sản xuất. Người lao động khi được tuyển dụng vào Công ty sẽ được đào tạo nghề từ 1-3 tháng tùy bộ phận sản xuất. Ngoài ra, hàng năm người lao động được tái đào tạo an toàn cũng như quy trình công nghệ, vận hành đối với mỗi loại máy móc thiết bị
- Đối với CBCNV khối gián tiếp và quản lý Công ty chú trọng đào tạo những kỹ năng mềm như: kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng, các kỹ năng về quản lý sản xuất.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tết ấm trao tay – Niềm vui đông đầy

Ngày 29/01/2016, Tổng Công ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Việt Nam - Công ty cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ đã tổ chức chương trình "Vui Tết Cùng Phú Mỹ" để trao tặng 200 phần quà Tết trị giá 500.000 đồng/phần gồm: các hiện vật có giá trị thiết thực và tiền mặt đến tận tay những hộ gia đình nghèo, khó khăn, neo đơn, những người bị nhiễm chất độc màu da cam và những người mù trên địa bàn Huyện Tân Thành.



Đại diện công ty Bao bì Đạm Phú Mỹ ông Phạm Ngọc Thiệp - Phó Giám Đốc - Chủ tịch Công Đoàn Công ty, cùng các Đoàn viên thanh niên phối hợp cùng các Đơn vị chức năng trực thuộc uỷ Ban Nhân Dân huyện Tân Thành: Hội chữ Thập đỏ, Hội người mù và Hội nạn nhân chất độc da cam trên địa bàn Thị Trấn Phú Mỹ và Xã Phước Hòa đã tạo nên không khí ấm cúng, chan hòa và sẻ chia trong không khí ngày Tết đang đến gần.

Xúc động trước tình cảm của Tổng Công ty Phân Bón và Hóa chất Dầu Khí - Công ty cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ, những người được nhận quà bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc, sự biết ơn và trân trọng không xiết đã mở rộng vòng tay thân ái quan tâm và ưu ái.

Đoàn thanh niên Công ty tham gia Hiến máu nhân đạo

Nhằm vận động toàn thể CBCNV trong công ty chung tay cùng các tầng lớp xã hội chia sẻ những giọt máu đào cứu sống những người bệnh không may mắn đang khao khát chờ có máu để được cứu sống; Đoàn TN CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ đã tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo vào ngày 18/10/2016, nhận được 66 đơn vị máu. Đây cũng là lần đầu tiên Đoàn thanh niên đứng ra tổ chức và số lượng tuy chưa thực sự nhiều nhưng cũng thấy được sự nhiệt tình tham gia của tất cả các cán bộ công nhân viên.



“ Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh ”



“ Sản xuất kinh doanh đi đôi với thực hiện trách nhiệm với cộng đồng ”

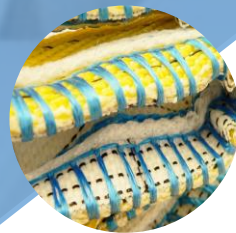
BÁO CÁO CỦA

BAN GIÁM ĐỐC

**Đánh giá kết quả hoạt động
sản xuất kinh doanh**



Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách, quản lý

**Kế hoạch phát triển
trong tương lai**

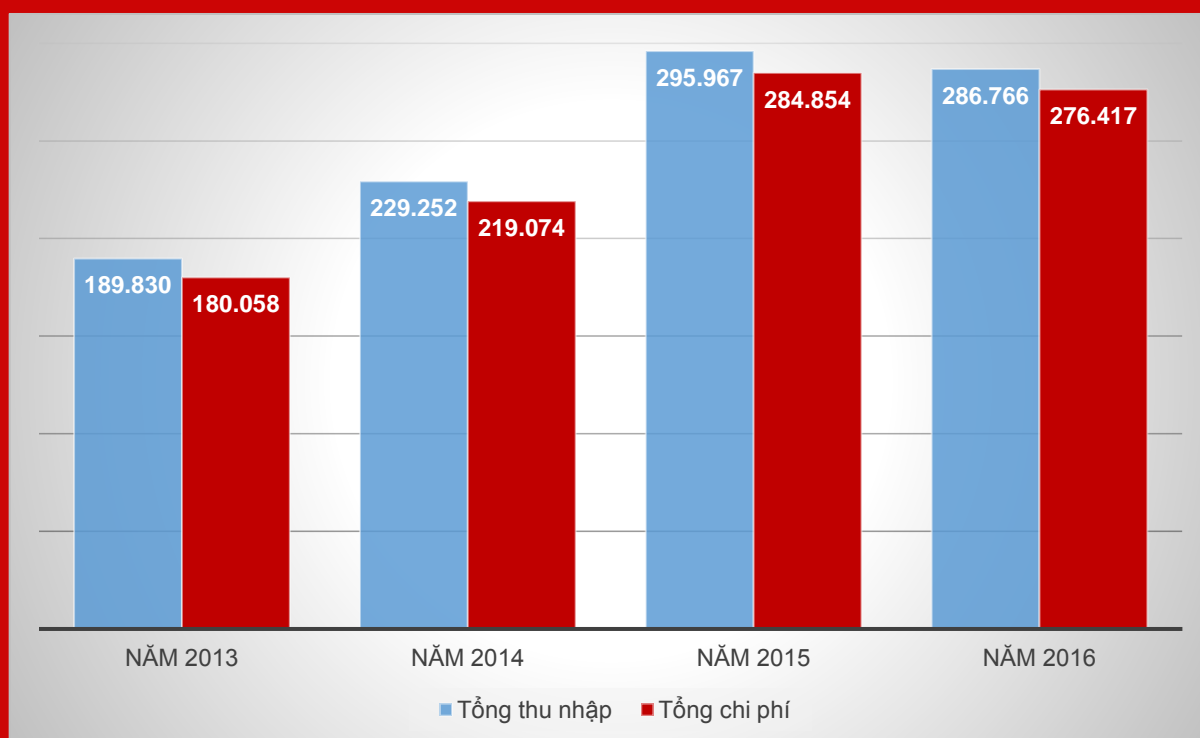


Tình hình tài chính

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Đồng

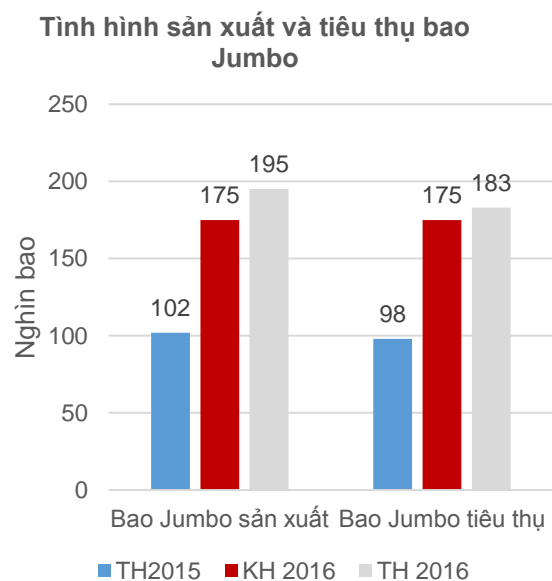
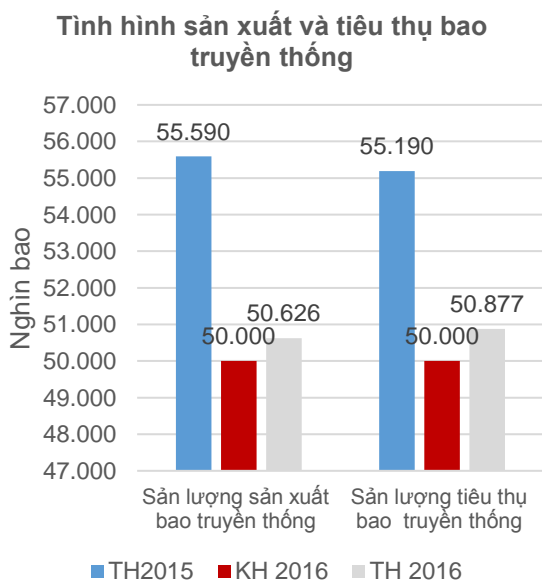
Khoản mục	Năm 2015	Năm 2016	% Năm 2016/ Năm 2015
Tổng thu nhập	295.967.363.743	286.765.549.293	96,89%
Tổng chi phí	284.854.254.554	273.742.342.942	96,10%
Lợi nhuận trước thuế	12.663.106.287	13.023.206.351	102,84%
Lợi nhuận sau thuế	11.113.109.189	10.348.245.014	93,12%
Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	2.249	2.094	93,11%
Tỷ lệ cổ tức (%)	18%	17%	-



Nhìn chung kết quả kinh doanh năm 2016 giảm nhẹ so với năm 2015. Tổng các khoản thu nhập đạt hơn 287 tỷ đồng và đạt 96,89% so với năm trước. Công ty đồng thời cũng đã cắt giảm chi phí để cân bằng với các khoản thu nhập, kết quả là tổng chi phí năm 2016 đạt 276 tỷ đồng, chiếm 96,10% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù với nhiều biện pháp tiết giảm chi phí, nhưng đặc thù chung của ngành bao bì đòi hỏi vốn đầu vào cao như đầu tư máy móc, duy tu thiết bị, giá nguyên vật liệu đầu vào cao nên tổng chi phí luôn chiếm hơn 95% tổng thu nhập. Năm 2016 là năm đầu tiên Công ty không còn được hưởng ưu đãi thuế TNDN. Do đó, lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ và đạt hơn 10 tỷ đồng, giảm 6,88% so với cùng kỳ năm 2015. Mặc dù kết quả lợi nhuận không bằng năm trước nhưng ROE năm 2016 đạt 16,12% được Công ty đánh giá cao hơn lãi vay của các khoản vay nợ thuê tài chính nhằm bù đắp chi phí tài chính phát sinh cho các khoản vay này, có thể giành một phần lợi nhuận chi trả cổ tức với mức 17% và đầu tư vào những hoạt động khác.

ĐVT: Nghìn bao

Chỉ tiêu	TH2015	KH 2016	TH 2016	TH2016/TH2015	TH2016/KH2016
Sản lượng sản xuất	55.692	50.175	50.821	91,25%	101,29%
Sản phẩm truyền thống	55.590	50.000	50.626	91,07%	101,25%
Bao Jumbo	102	175	195	191,18%	111,43%
Sản lượng tiêu thụ	55.288	50.175	51.060	92,35%	101,76%
Sản phẩm truyền thống	55.190	50.000	50.877	92,19%	101,75%
Bao Jumbo	98	175	183	186,73%	104,57%

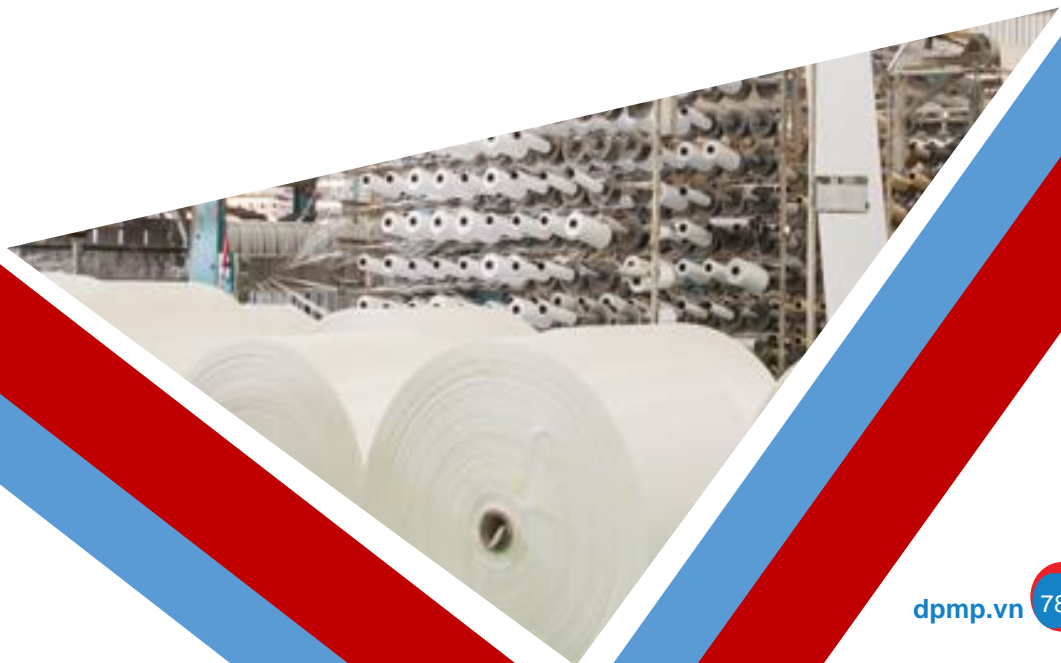




Tình hình sản xuất trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn mà Ban lãnh đạo đánh giá đến từ những nguyên nhân như sau:

- **Biến động giá NVL:** Giá nguyên vật liệu đầu vào biến động liên tục, không ổn định dẫn đến khó khăn trong công tác dự báo giá nguyên vật liệu, chào giá khách hàng đặc biệt là các Khách hàng lớn về số lượng và thời gian giao hàng.
- **Một trong những dòng sản phẩm chính là bao xi măng giảm mạnh** gần như dừng tiêu thụ kể từ tháng 4. Tổng sản lượng xi măng cả năm cung cấp được 1,5 triệu bao.
- **Đối thủ cạnh tranh phát triển nhanh và mạnh** để đón xu hướng dịch chuyển hàng gia công vào Việt Nam do chi phí nhân công rẻ, chủ yếu là sự lớn mạnh của các doanh nghiệp tư nhân do các quyết định đầu tư nhanh và linh hoạt trong cơ chế bán hàng. Do vậy đối với sản phẩm mới là dòng bao Jumbo và túi siêu thị Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong việc tìm và giữ khách hàng với mức giá cạnh tranh.
- **Biến động nhân lực lớn:** Khó thu hút và giữ được nguồn nhân lực chuyên môn giỏi, tay nghề cao. Tình trạng biến động lao động vẫn xảy ra thường xuyên.

- **Tổ chức sản xuất sản phẩm mới gặp nhiều khó khăn:** Dòng sản phẩm mới bao Jumbo và túi xách siêu thị được bắt đầu triển khai từ năm 2015, nhưng việc tổ chức sản xuất hoàn thiện các công đoạn sản phẩm mới thực sự từ năm 2016. Hoạt động sản xuất gặp khó khăn bước đầu do thiếu thốn về cơ sở vật chất, thiết bị, cán bộ kỹ thuật, công nhân tay nghề cao, tổ chức lao động, đáp ứng tiến độ, sản xuất đúng ngay từ đầu.... Đến thời điểm hiện tại, khâu tổ chức sản xuất tương đối ổn định, công nghệ sản xuất và tay nghề của công nhân đã tương đối thành thạo.
- **Lạc hậu về công nghệ và thiết bị:** Một số máy móc đầu tư từ khi nhà máy bắt đầu hoạt động đã thể hiện nhiều hư hỏng khó sửa chữa, cải tạo dẫn đến năng suất giảm, đồng thời có 1 khoảng cách tụt hậu lớn về thiết bị và công nghệ so với mặt bằng hiện tại. Điển hình như máy tráng cũ, hay hỏng hóc và không thích hợp với sản phẩm mới hoặc những máy dệt nhỏ tuy vẫn hoạt động nhưng năng suất thấp hơn và tiêu hao nhiều nhiên liệu hơn so với máy mới.



Tình hình tài chính

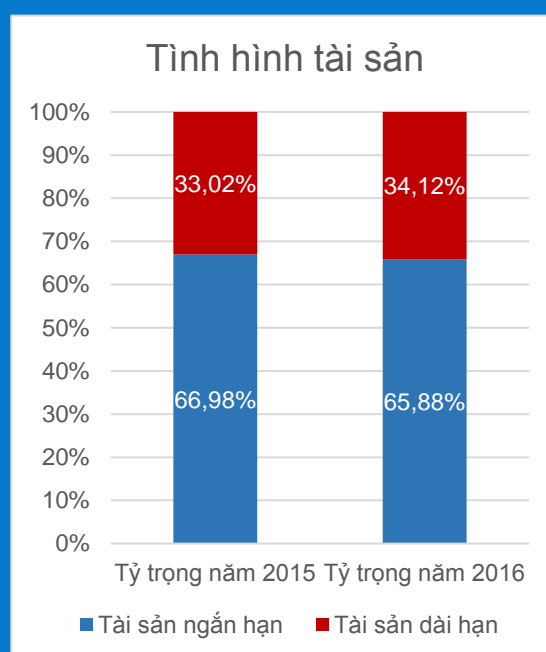
Tình hình tài sản

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Tài sản ngắn hạn	83.386.677.666	94.133.218.775	112,89%	66,98%	65,88%
Tài sản dài hạn	41.116.343.537	48.759.405.836	118,59%	33,02%	34,12%
Tổng tài sản	124.503.021.203	142.892.624.611	114,77%	100%	100%

Tình hình tài sản năm 2016 tăng hơn 14% so với năm 2015. Tổng tài sản năm 2015 đạt hơn 124 tỷ đồng, năm 2016 đạt hơn 142 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản Công ty (hơn 65%).

Tài sản ngắn hạn năm 2016 đạt hơn 94 tỷ đồng, tăng 12,89% so với năm 2015 (83 tỷ đồng). Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản phải thu và hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao nhất. Trong đó, hàng tồn kho đạt 51,5 tỷ đồng tăng hơn 44% so với năm trước, chủ yếu là tồn kho nguyên liệu, vật liệu cao (29 tỷ đồng) và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (15 tỷ đồng).



Chi tiết hàng tồn kho như sau:

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
Hàng mua đang đi đường	18.100.200	2.415.857.400
Nguyên liệu, vật liệu	19.644.416.883	29.106.758.427
Công cụ, dụng cụ	171.214.227	135.093.059
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.449.446.201	14.699.511.538
Thành phẩm	2.414.511.253	4.993.502.488
Hàng hoá	14.898.869	189.948.371
Tổng cộng	35.712.587.633	51.540.671.283





“Sản xuất và cung cấp sản phẩm bao bì
đảm bảo chất lượng,

ổn định,

giá hợp lý,

hiệu quả

cho khách hàng”



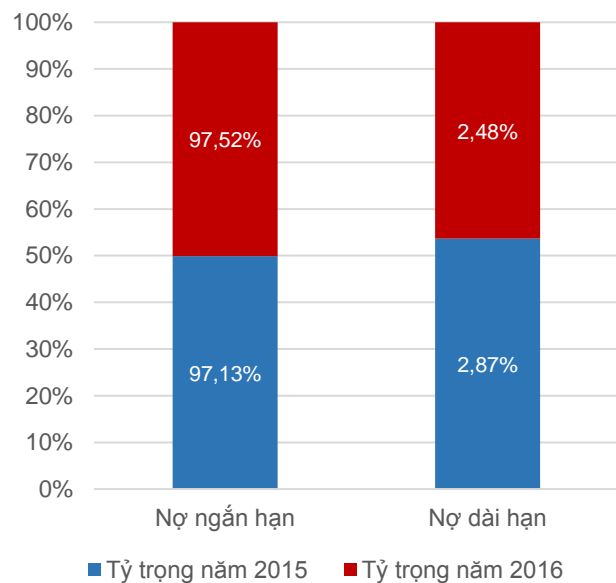
Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	TH 2016/ TH 2015	Tỷ trọng năm 2015	Tỷ trọng năm 2016
Nợ ngắn hạn	59.855.835.578	76.741.540.812	128,21%	97,13%	97,52%
Nợ dài hạn	1.765.625.761	1.948.245.300	110,34%	2,87%	2,48%
Tổng nợ phải trả	61.621.461.339	78.689.786.112	127,70%	100%	100%

Nhìn chung, tổng nợ phải trả năm 2016 tăng hơn 27% so với cùng kỳ năm 2015. Trong cơ cấu nợ, chủ yếu là nợ ngắn hạn chiếm hơn 97%. Trong hơn 76,7 tỷ nợ ngắn hạn, các khoản vay ngân hàng chiếm chủ yếu lên đến 54 tỷ đồng, khoản vay này là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động để bổ sung hàng tồn kho, tài trợ nợ cho khách hàng đồng thời chi cho các hoạt động thường xuyên của Công ty

Tình hình nợ phải trả



Khoản vay dài hạn chiếm giá trị không cao và chi tiết như sau:

ĐVT: Đồng

Khoản mục	31/12/2015	31/12/2016
Trong vòng một năm	1.568.184.674	1.320.435.566
Trong năm thứ hai	1.207.960.799	494.165.300
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	466.046.525	1.454.080.000
Sau năm năm	-	-
Tổng cộng	3.242.191.998	3.268.680.866
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.568.184.674)	(1.320.435.566)
Số phải trả sau 12 tháng	1.674.007.324	1.948.245.300



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thuận lợi:

- Công ty đã bước vào được thị trường sản phẩm mới và có được lượng khách hàng nhất định.
- Công ty đã có kinh nghiệm trong việc tổ chức sản phẩm mới sau một năm trải nghiệm.
- Đã đầu tư được thiết bị và hạ tầng đồng bộ phù hợp dòng sản phẩm mới.

Khó khăn:

- Tồn tại về lao động vẫn còn: thiếu cán bộ kỹ thuật, công nhân có tay nghề.
- Chi phí cao: khấu hao đầu tư, thuế nhập khẩu hạt nhựa tăng, lương tăng, nhiên liệu tăng...
- Các khách hàng của Công ty chưa có sự hợp tác liên tục, sản phẩm nhiều quy cách trong một đơn hàng dẫn đến năng suất lao động thấp, chưa đảm bảo được thu nhập của Công nhân.
- Ngoài cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài, sự cạnh tranh khốc liệt với các doanh nghiệp Việt Nam cũng đáng kể, đặc biệt là giá cả chưa thật sự đáp ứng được việc cạnh tranh.
- Máy móc thiết bị ngày càng cũ dẫn đến thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng và thay thế nên năng suất và chất lượng sản phẩm không cao.



Kế hoạch phát triển trong tương lai





Mục tiêu trong năm 2017

- Sản xuất và tiêu thụ đạt 58 triệu bao bì nhỏ và 0.36 triệu bao bì jumbo.
- Tập trung khai thác thị trường Nhật và châu Âu đối với dòng sản phẩm mới là Bao bì Jumbo.
- Tổ chức sản xuất, vận hành có hiệu quả Dự án bao bì Jumbo giai đoạn 3.
- Đảm bảo quyền lợi người lao động và lợi ích Cổ đông.

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2016	KH 2017	% KH 2017/TH 2016
1	Sản lượng sản xuất				
-	Dòng bao truyền thống	Tr.bao	51	58	115%
-	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	195	356	183%
2	Sản lượng tiêu thụ				
-	Dòng bao truyền thống	Tr. bao	51	58	114%
-	Dòng bao Jumbo	Ng.bao	183	356	194%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	287	400	139%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	274	386	141%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	13,0	13,8	106%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,3	10,9	106%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	17%	17%	100%
8	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách NN	Tỷ đồng	12,56	13,8	110%
9	Lao động và thu nhập				
-	Lao động BQ	Người	468	542	116%
-	Quỹ lương	Tỷ đồng	40,7	47,4	116%
10	Đầu tư XDCB và Mua sắm	Tỷ đồng	19,00	42,93	226%



Các giải pháp thực hiện

Công tác kinh doanh

- Dự báo giá nguyên vật liệu chính xác và kịp thời.
- Công tác lập và thực hiện bám sát mục tiêu kế hoạch.
- Đào tạo đội ngũ bán hàng xuất khẩu chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt.
- Tăng cường mở rộng khách hàng mới, giữ khách hàng cũ.
- Tập trung thị trường trọng điểm là Nhật và Châu Âu.

Công tác kỹ thuật công nghệ và sản xuất

- Khai thác có hiệu quả hệ thống thiết bị dây chuyền bao Jumbo mới đưa vào khai thác.
- Nắm vững kỹ thuật công nghệ sản xuất sản phẩm mới. Cải tiến công nghệ sản xuất sản phẩm truyền thống.
- Kiểm soát chất lượng, hạn chế sản phẩm hỏng/lỗi/phế.
- Sửa chữa bảo dưỡng máy móc thiết bị để vận hành ổn định, hiệu suất cao, tăng tuổi thọ của máy móc thiết bị, đảm bảo chất lượng hoạt động, hạn chế mức thấp nhất sự gián đoạn trong quá trình sản xuất làm giảm năng suất và giảm chất lượng sản phẩm.
- Thay thế máy móc thiết bị cũ để đáp ứng về điều kiện sản xuất mới về quy cách, mẫu mã và năng suất.
- Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp công nghệ sản xuất tối ưu giảm giá thành, gia tăng giá trị sản phẩm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường trong và ngoài nước.





Công tác quản lý vốn và chi phí

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, tăng cường phòng ngừa rủi ro về tài chính.
- Tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất để đánh giá hiệu quả kịp thời.
- Tăng cường công tác đánh giá, phân tích hiệu quả tài chính của các phương án kinh doanh.
- Cơ cấu lại nguồn vốn phù hợp với tình hình SXKD của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được liên tục.

Công tác tổ chức – hành chính

- Đổi mới công tác tuyển dụng, cho người đến các địa phương (trọng điểm là các Tỉnh Miền Tây) để đưa lao động đến tận nơi sản xuất, đồng thời có chính sách hỗ trợ chỗ ăn ở, đi lại cho người lao động. Song song công tác tuyển dụng, Công ty tăng cường mở rộng mạng lưới gia công may hoặc ký kết hợp tác kinh doanh với các đối tác để giảm bớt khó khăn về lao động.
- Tiếp tục rà soát chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các phòng, hoàn thiện bảng mô tả chức danh công việc để tiêu chuẩn hóa các yêu cầu chuyên môn, kỹ năng đối với từng vị trí chức danh công việc, đảm bảo tối ưu hóa nguồn nhân lực hiện có.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo có trọng điểm, tăng cường tổ chức đào tạo, tái đào tạo nội bộ, trao đổi kinh nghiệm, tích cực đào tạo ngoại ngữ cho các chức danh cần thiết, chuẩn bị nhân sự cho các bộ phận còn thiếu.
- Đổi mới mạnh mẽ cơ chế lương, thưởng theo năng lực, hiệu quả để đảm bảo công bằng và tạo động lực cho người lao động.

Đẩy mạnh công tác đầu tư mới và đầu tư thay thế

- Đầu tư mới: Đầu tư tiếp Dự án jumbo giai đoạn mở rộng để khai thác hết công suất thiết bị hiện có.
- Đầu tư thay thế: Hệ thống máy dệt đầu tư từ giai đoạn 1 đến nay đã thể hiện nhiều hư hỏng, lạc hậu năng suất thấp nên Công ty sẽ có kế hoạch thay thế từng cụm trong năm 2017.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về
môi trường và xã hội của Công ty



Với mục tiêu phát triển bền vững là trọng tâm gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ban lãnh đạo Công ty chủ trương toàn bộ cán bộ công nhân viên phải luôn đi đầu trong các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội bằng những hành động thiết thực và hiệu quả như tuyên truyền nâng cao nhận thức về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn phòng cháy chữa cháy trong tất cả các hoạt động của Công ty.







Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty



VỀ CƠ CẤU VỐN GÓP VÀ NHÂN SỰ THÀNH VIÊN HĐQT

- Năm 2016 cơ cấu vốn góp của các cổ đông lớn không thay đổi: Tổng công ty phân bón và Hoá chất Dầu khí nắm giữ 43,34% VĐL, Công ty TNHH Hương Phong nắm giữ 40% VĐL và các cổ đông nhỏ khác nắm giữ 16,66% VĐL.
- Nhân sự thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT): Trong năm 2016, nhân sự thành viên Hội đồng quản trị có sự thay đổi, Bà Trần Thị Hồng Quyên được bầu thay thế thành viên Phạm Văn Quý kể từ ngày 25/02/2016 và đã được ĐHCĐ phê chuẩn tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2016. Hiện tại, nhân sự HĐQT như sau: Ông Phạm Văn Hiến – Chủ tịch HĐQT, Ông Trần Anh Tú – thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty, ông Lê Hồng Quân, bà Hồ Thị Minh Hòa và Bà Trần Thị Hồng Quyên là thành viên HĐQT. Trong đó chỉ có một thành viên Trần Anh Tú là thành viên điều hành, các thành viên còn lại là thành viên kiêm nhiệm.



ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD 2016 VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ NĂM 2017

- Đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 trong điều kiện khó khăn khi vừa mở rộng đầu tư và triển khai sản xuất sản phẩm mới. Ban điều hành đã tổ chức, điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 theo đúng định hướng của HĐQT và đạt kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng bao truyền thống	Ngh.b	50.000	50.880	101,76%
2	Sản lượng bao Jumbo	Ngh.b	175.000	183.130	104,65%
3	Doanh thu	Tr.đ	262.690	286.770	109,17%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	12.980	13.020	100,31%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	10.340	10.320	99,81%
6	Nộp NSNN	Tr.đ	17.190	14.140	82,26%
7	Chia cổ tức	%	17%	17%	100%

Đánh giá chung các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 và tác động đến việc xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động năm 2017 như sau:

- **Khách hàng bao bì xi măng giảm hẳn:** Trong năm 2016, tại khu vực phía nam, khách hàng Xi măng gần như chuyển hết sang dùng loại bao bì dán đáy làm cho sản lượng, doanh số dòng bao bì truyền thống bị ảnh hưởng đáng kể. Tuy nhiên, việc giảm sản lượng bao Xi măng đã được dự đoán từ năm trước và Công ty đã chuẩn bị điều kiện để chuyển đổi sản phẩm. Bước đầu thực hiện chuyển đổi sản phẩm thành công nên Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.
- **Tiến độ thực hiện Dự án đầu tư:** Trong hoạt động đầu tư, tốc độ phát triển của Công ty còn chậm nên bỏ lỡ nhiều cơ hội. Việc chậm trễ trong công tác đầu tư là do các yếu tố khách quan tác động, trong đó quá trình nhập khẩu máy móc thiết bị và thủ tục trình xin phê duyệt đầu tư của nội bộ các bên góp vốn góp phần kéo dài thời gian triển khai hơn so với dự kiến. Do vậy, trong các hoạt động đầu tư sắp tới, để đẩy nhanh tiến độ đầu tư, Ban điều hành cần làm sớm các công tác chuẩn bị xin phê duyệt đầu tư từ phía các cổ đông và đảm bảo nhà cung cấp thực hiện việc cung cấp hàng hóa, thiết bị theo tiến độ.

- **Kế hoạch tạo liên kết ngành, cơ sở may:** Các dòng sản phẩm mới của Công ty như túi xách siêu thị và bao bì Jumbo liên quan nhiều đến việc sử dụng lao động ngành may, trong khi đó, Công ty đóng trên địa bàn khu công nghiệp nên không tránh khỏi tình trạng biến động lao động lớn. Hơn nữa, tại khu vực này, quy định chi phí lương tối thiểu vùng được xét là vùng 1 – là vùng cao nhất cả nước nên chi phí nhân công ở mức cao. Do vậy công tác tổ chức sản xuất liên quan đến sử dụng nhiều lao động, cụ thể là bộ phận may gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiết giảm chi phí sản xuất để đạt được mức giá cạnh tranh sản phẩm. Do vậy, định hướng tổ chức sản xuất trong những năm tới cần phải tính toán đến việc tạo liên kết vùng, ngành tại các cơ sở có chi phí lao động thấp và hạn chế mức độ cạnh tranh về lao động.
- **Cơ hội phát triển dòng sản phẩm mới:** Nhu cầu sử dụng bao Jumbo trên thị trường là rất lớn và Công ty xác định đây là một trong những dòng sản phẩm chính sẽ tiếp tục mở rộng. Dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo đầu tư giai đoạn 1 trong năm 2016, chính thức được vận hành trong năm 2017 đã đầu tư thiết bị máy tạo sợi với công suất lớn, hơn 1 triệu bao/năm. Như vậy, nhiệm vụ của những năm tới đây sẽ tiếp tục đầu tư đồng bộ dây chuyền thiết bị công đoạn sau tạo sợi và phát triển thị trường để khai thác hết công suất thiết bị này. Đối với dòng sản phẩm bao Jumbo, sau hơn 1 năm triển khai sản xuất và tiếp cận thị trường, Công ty đã tích lũy được kinh nghiệm sản xuất và có được lượng khách hàng nhất định. Đây là tiền đề để khai thác hiệu quả dây chuyền sản xuất bao Jumbo trong năm nay. Mục tiêu đặt ra đến trước năm 2020 sẽ khai thác hết công suất máy tạo sợi, tương ứng hàng năm đạt mức sản lượng trên 1 triệu bao Jumbo.
- **Nhận định cơ hội đầu tư:** Đánh giá cơ hội đầu tư đang rất lớn do kết nối giao thông thời gian tới rất thuận tiện, xu hướng dịch chuyển mạnh đầu tư vào Việt Nam để khai thác lợi thế chi phí nhân công thấp. Do vậy, nhận định sắp tới có nhiều Dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu. Riêng với Công ty, hiện đất chưa sử dụng còn, bộ máy tổ chức sẵn có...là những yếu tố rất thuận lợi để nghiên cứu, đề xuất hướng đầu tư mới, đầu tư mở rộng để có thể cung cấp sản phẩm, dịch vụ phục vụ các dự án đầu tư vào địa bản tỉnh nói riêng và vào Việt nam nói chung.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Hội đồng quản trị cho ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các cuộc họp hàng quý và thông qua việc cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh chưa đến mức cần thiết phải tổ chức cuộc họp, đồng thời yêu cầu Ban điều hành báo cáo kết quả triển khai thực hiện nghị quyết của HĐQT, ĐHQĐĐ trong quá trình điều hành công việc.
- Hội đồng quản trị giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc thông qua báo cáo quản trị tháng; báo cáo tài chính quý, năm và báo cáo giám sát của Ban kiểm soát gửi HĐQT hàng quý.
- Chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo việc tuân thủ quy định công bố thông tin đối với Công ty niêm yết.





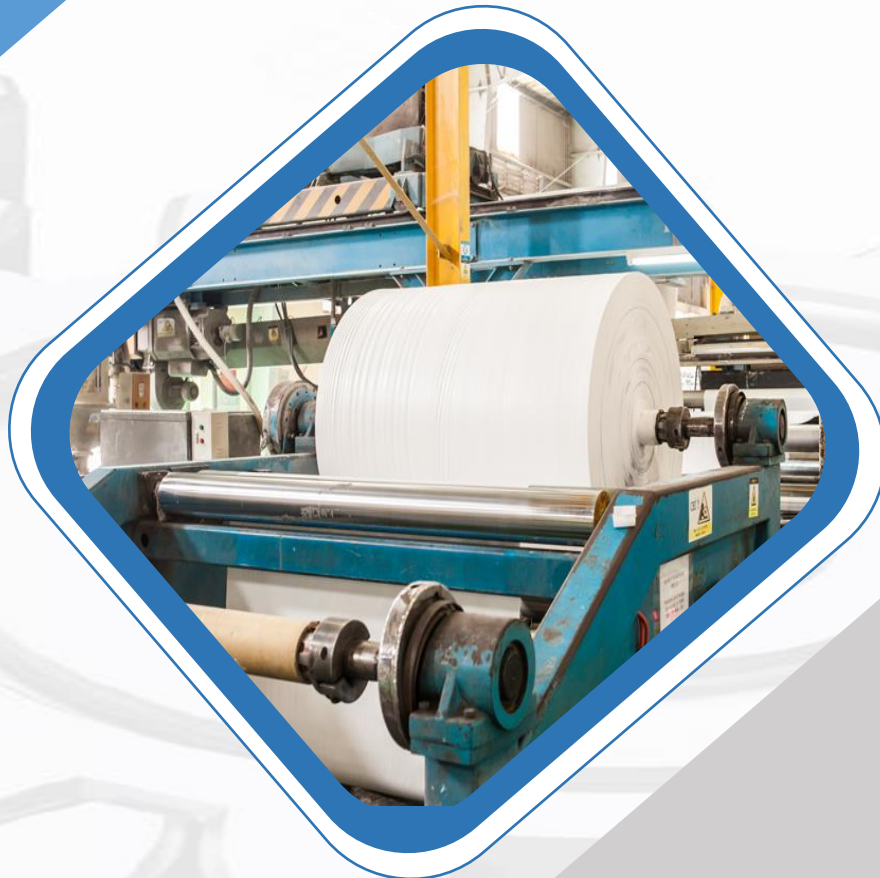
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT theo hướng tăng cường trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng quý và đột xuất (nếu cần) trên tinh thần các cuộc họp có hiệu quả, giải quyết được những vấn đề cần thiết cho Công ty và những kiến nghị của Ban điều hành.
- Cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền phê duyệt/cho ý kiến của Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hiệu chỉnh hệ thống các quy chế, quy trình, quy định, phù hợp với tình hình mới.
- Chỉ đạo triển khai thực hiện Chiến lược phát triển công ty đến năm 2020, định hướng đến 2030.
- Chỉ đạo nghiên cứu đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư phát triển dòng sản phẩm mới.
- Giám sát hoạt động điều hành theo Nghị quyết Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, trong đó một số chỉ tiêu chính như sau.

+	Bao bì truyền thống	:	58 triệu bộ bao bì;
+	Bao Jumbo	:	356 nghìn bộ bao;
+	Doanh thu	:	400 tỷ đồng;
+	Lợi nhuận trước thuế	:	13,8 tỷ đồng;
+	Tỷ lệ chia cổ tức	:	17%.
+	Đầu tư mua sắm	:	42,93 tỷ đồng
- Tiếp tục cử đoàn công tác đi nghiên cứu thị trường, sản phẩm mới ở trong và ngoài nước.
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



Báo cáo
Quản trị công ty



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị



Ban Kiểm soát



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

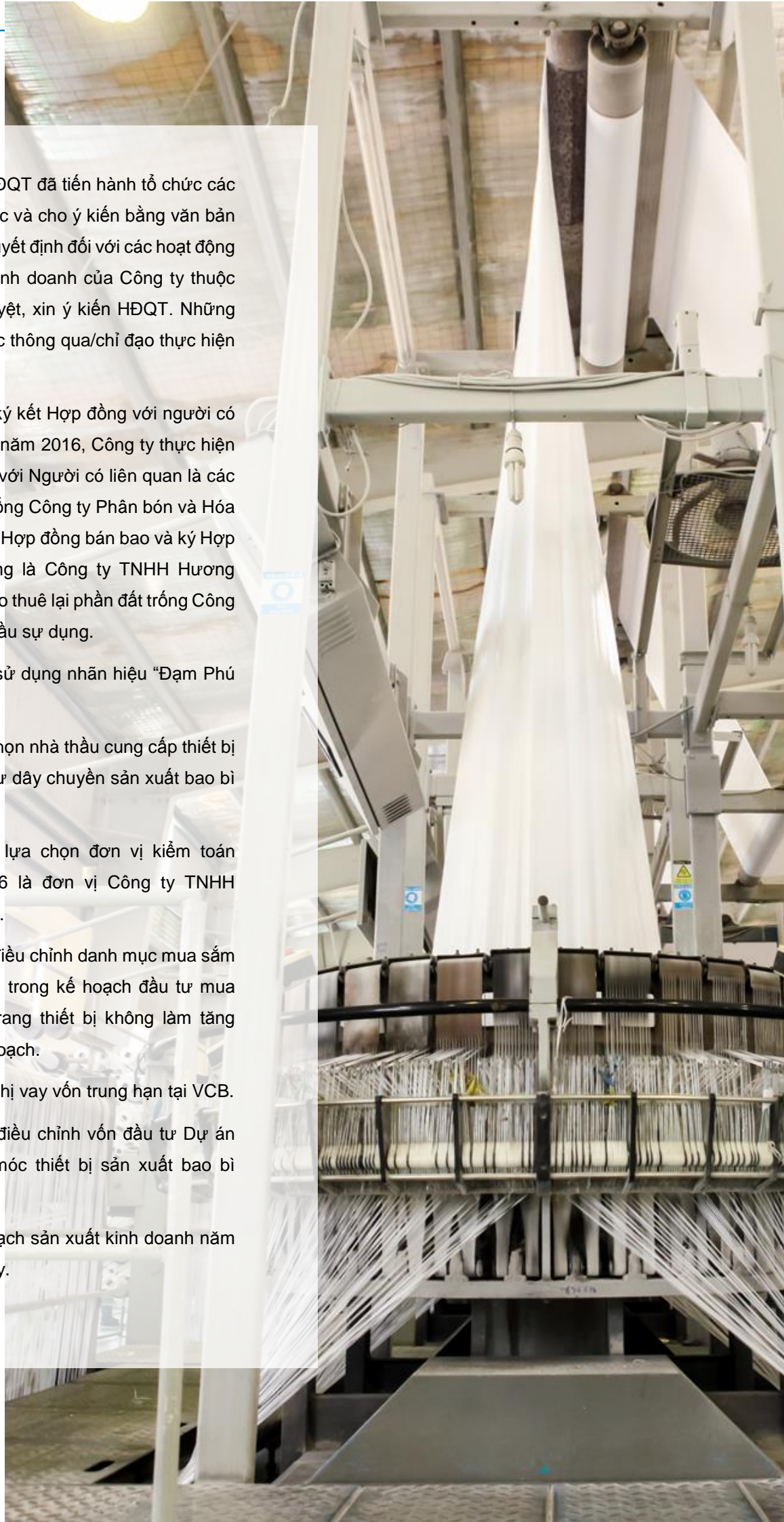
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Số hiệu văn bản	Ngày phát hành	Nội dung
1	02/NQ-HĐQT	20/01/2016	NQ Họp HĐQT lần 1
2	04/NQ-HĐQT	25/02/2016	NQ Họp HĐQT lần 2
3	06/NQ-HĐQT	25/02/2016	NQ Họp HĐQT lần 3
4	07/QĐ-HĐQT	25/03/2016	QĐ triệu tập ĐHCĐ thường niên 2016
5	09/NQ-HĐQT	11/04/2016	NQ v/v ký hợp đồng với người có liên quan
6	11/NQ-HĐQT	22/04/2016	NQ v/v điều chỉnh KH 2016
7	15/NQ-DHDCD	22/04/2016	NQ v/v sử dụng nhãn hiệu “Đạm Phú Mỹ”
8	18/NQ-HĐQT	30/05/2016	NQ v/v thông qua lựa chọn nhà thầu Dự án Jumbo
9	20/BB-HĐQT	01/07/2016	NQ v/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016
10	22/NQ-HĐQT	19/07/2016	NQ Họp HĐQT lần 4
11	24/NQ-HĐQT	09/08/2016	NQ v/v thông qua hạn mức công nợ Q3
12	26/NQ-HĐQT	27/10/2016	NQ Họp HĐQT lần 5
13	28/NQ-HĐQT	11/11/2016	NQ v/v chuyển danh mục mua sắm tài sản, TTB
14	29/QĐ-HĐQT	11/11/2016	QĐ v/v điều chỉnh vốn đầu tư Dự án Jumbo
15	30/BB-HĐQT	15/11/2016	BB v/v thông qua đề nghị vay vốn trung hạn tại VCB

Trong năm 2016, HĐQT đã tiến hành tổ chức các phiên họp chính thức và cho ý kiến bằng văn bản để thảo luận và ra quyết định đối với các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền phê duyệt, xin ý kiến HĐQT. Những nội dung chính được thông qua/chỉ đạo thực hiện như sau:

- Thông qua việc ký kết Hợp đồng với người có liên quan. Trong năm 2016, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với Người có liên quan là các cổ đông lớn là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí các Hợp đồng bán bao và ký Hợp đồng với cổ đông là Công ty TNHH Hương Phong về việc cho thuê lại phần đất trống Công ty chưa có nhu cầu sử dụng.
- Thông qua việc sử dụng nhãn hiệu “Đạm Phú Mỹ”
- Thông qua lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị cho Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bao bì Jumbo.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2016 là đơn vị Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Thông qua việc điều chỉnh danh mục mua sắm máy móc thiết bị trong kế hoạch đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị không làm tăng tổng chi phí kế hoạch.
- Thông qua đề nghị vay vốn trung hạn tại VCB.
- Thông qua việc điều chỉnh vốn đầu tư Dự án mua sắm máy móc thiết bị sản xuất bao bì Jumbo.
- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty.





- Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ thường niên 2016; tuân thủ đầy đủ các nội dung yêu cầu công bố thông tin đối với tổ chức niêm yết; chia cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2016 thông qua.
- Thông qua tỷ lệ hạn mức công nợ phải thu từng Quý.
- Chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên báo cáo công tác xây dựng quy hoạch cán bộ nguồn, rà soát, bổ nhiệm, đào tạo đối với cán bộ nguồn thuộc diện quy hoạch. Chỉ đạo việc xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ trong Ban điều hành để làm quy chuẩn thực hiện đào tạo cán bộ nguồn và tuyển dụng khi cần.
- Chỉ đạo Ban điều hành đề xuất cơ chế khuyến khích nhân sự kinh doanh, kỹ thuật.
- Cử đoàn công tác của Hội đồng quản trị đi công tác nước ngoài phục vụ nghiên cứu, triển khai các Dự án đầu tư mới.
- Hoàn thành báo cáo quản trị công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu chính như sau:
 - Bao bì truyền thống : 58 triệu bộ bao bì;
 - Bao Jumbo : 356 nghìn bộ bao;
 - Doanh thu : 400 tỷ đồng;
 - Lợi nhuận trước thuế : 13,8 tỷ đồng;
 - Tỷ lệ chia cổ tức : 17%.



Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty. Năm 2016, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.



Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung theo thẩm quyền của HĐQT. Đồng thời, từng thành viên có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, giám sát, HĐQT hợp thống nhất và ra quyết định.

Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016





- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bao Bì Đạm Phú Mỹ gồm 3 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm với nhiệm kỳ 05 năm. Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Ban kiểm soát đã giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2016, giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị đóng góp ý kiến về các vấn đề báo cáo khả thi và thủ tục triển khai của dự án đầu tư giai đoạn 03, hạn mức công nợ, nợ quá hạn, quản lý hàng tồn kho, nguồn vốn phục vụ đầu tư mua sắm.
- Hàng quý Ban kiểm soát đã thông báo kết quả kiểm tra giám sát đến HĐQT, Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty đồng thời đã có những kiến nghị kịp thời để nâng cao hiệu quả hoạt động tại đơn vị.
- Trong năm 2016 hàng quý Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp để thảo luận về kế hoạch kiểm tra giám sát hàng quý và đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động cũng như tình hình tài chính của Công ty
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán Deloitte thực hiện kiểm toán BCTC năm 2016.

Trong năm 2016 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và hoạt động điều hành của Giám đốc Công ty.

Kết quả giám sát tình hình hoạt động SXKD năm 2016 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

STT	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2016	TH 2016	TH/KH 2016
1	Sản lượng sản xuất				
-	<i>Bao phân bón và bao xi măng</i>	<i>Tr.bao</i>	50	50,63	101%
-	<i>Bao jumbo</i>	<i>Ng.bao</i>	175	195	111%
2	Sản lượng tiêu thụ				
-	<i>Bao phân bón và bao xi măng</i>	<i>Tr.bao</i>	50	50,88	102%
-	<i>Bao jumbo</i>	<i>Ng.bao</i>	175	183,13	105%
3	Tổng doanh thu	tỷ đồng	262,69	286,76	109%
4	Tổng chi phí	tỷ đồng	249,71	273,74	109,62%
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12,98	13,02	100%
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	10,35	10,35	100%
7	Tỷ lệ chia cổ tức	%	17	17	100%
8	Thuế và các khoản nộp NSNN	tỷ đồng	17,19	14,42	84%
9	Đầu tư XCDDB và mua sắm	tỷ đồng	51,05	19,00	37%
10	Lao động bình quân	Người	500	468	94%
11	Thu nhập bình quân (người/tháng)	Tr. đồng	7,50	7,51	100%

- Trong năm 2016, mặc dù có những thay đổi lớn trong cơ cấu dòng sản phẩm khi nhóm khách hàng Xi măng chuyển sang dùng loại bao bì dán đáy thay cho loại bao bì truyền thống làm cho sản lượng, doanh số của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể tuy với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, Công ty đã phát triển thêm hệ thống khách hàng cũng như sản phẩm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được giao. Nhìn chung, Công ty đã duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định an toàn, thu nhập của người lao động ổn định.
- Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Chỉ tiêu giải ngân thấp hơn so với kế hoạch do quá trình thực hiện máy móc thiết bị nhập khẩu về trễ hơn so với dự kiến nên kế hoạch giải ngân dự án đầu tư giai đoạn 3 mới giải ngân được một phần còn lại sẽ thực hiện giải ngân trong quý 01 năm 2017.



Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, BCTC phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT, Ban GD:

- Hội đồng quản trị Công ty với 05 thành viên đã được phiên họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 thông qua, các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Đến tháng 02/2016 Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm tạm thời 01 thành viên HĐQT là Bà Trần Thị Hồng Quyên thay cho Ông Phạm Văn Quý do bên phía cổ đông PVFCCo điều chỉnh số lượng người đại diện phần vốn.
- Trong năm 2016 Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp và các lần tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Giám đốc đã triển khai công tác sản xuất kinh doanh trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban giám đốc đã tổ chức họp bàn bạc, thống nhất, phân công chỉ đạo các phòng ban triển khai và báo cáo kết quả thực hiện đến Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội Đồng quản trị, Báo cáo của Giám Đốc Công ty đã phản ánh trung thực về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 của công ty.
- Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tuân thủ điều lệ hoạt động của Công ty, quy định của pháp luật và phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong năm 2016 Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả và đem lại lợi ích cho các cổ đông.





Đánh giá sự phối hợp của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành với Ban kiểm soát

Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ Ban kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/bộ phận của công ty, đã duy trì mối quan hệ làm việc và phối hợp trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Kiến nghị

- Kiểm soát vốn lưu động trong đó lưu ý kiểm soát các khoản công nợ phải thu, thu hồi công nợ quá hạn phát sinh và hiệu quả quản lý vốn lưu động cho hàng tồn kho.
- Xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm chặt chẽ đảm bảo tiến độ của dự án đã đặt ra.
- Đánh giá lại nhu cầu về kinh doanh các loại bao jumbo để đảm bảo hiệu quả kế hoạch kinh doanh của dòng bao jumbo theo Dự án đầu tư giai đoạn 3.

Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Kiến nghị ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT, BKS công ty lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán có uy tín, có kinh nghiệm được đánh giá cao trong lĩnh vực kiểm toán: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers Việt Nam thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017.

Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế/quy định nội bộ trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp.
- Giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn tại Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và
Ban kiểm soát



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ tên và chức danh	Thù lao	Thu nhập khác	Tổng cộng
		1	2	3 = 1+2
1	Chu Xuân Hải –TBKS	36.000.000	12.600.000	48.600.000
2	Nguyễn Thị Thu Oanh – TV.BKS	24.000.000	6.300.000	30.300.000
3	Phạm Văn Khánh – TV.BKS	24.000.000	6.300.000	30.300.000
	Tổng cộng	84.000.000	25.200.00	109.200.000

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
Trương Đình Thanh	Phó Giám đốc	5.000	0,12%	CĐNB
Phan Trúc Anh		0	0%	Vợ
Trương Minh Tiến		0	0%	Con
Trương Tuấn Anh Minh		0	0%	Con
Trương Đình Xuân		12.000	0,29%	Em
Trương Đình Thắng		0	0%	Em

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm		
Trương Tuấn Anh Minh	Con	3.000	0,07%	0	0%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2016, Công ty thực hiện ký kết hợp đồng với Người có liên quan là các cổ đông lớn là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí các Hợp đồng bán bao và ký Hợp đồng với cổ đông là Công ty TNHH Hương Phong về việc cho thuê lại phần đất trống Công ty chưa có nhu cầu sử dụng..

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 21 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Hoàng Lan Hương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0898-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.133.218.775	83.386.677.666
I. Tiền	110		2.736.365.805	4.501.430.150
1. Tiền	111	5	2.736.365.805	4.501.430.150
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.761.927.863	41.694.044.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.111.023.095	38.093.164.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.735.019.910	742.781.088
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.915.884.858	2.858.099.472
III. Hàng tồn kho	140	8	51.540.671.283	35.712.587.633
1. Hàng tồn kho	141		51.540.671.283	35.712.587.633
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.094.253.824	1.478.615.238
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.401.104.059	1.478.615.238
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		693.149.765	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.759.405.836	41.116.343.537
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		39.074.075.231	40.221.868.095
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.074.075.231	40.221.868.095
- Nguyên giá	222		96.416.041.196	91.662.209.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.341.965.965)	(51.440.341.450)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	353.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(353.242.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	9.024.194.114	276.645.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.024.194.114	276.645.520
IV. Tài sản dài hạn khác	260		658.136.491	614.829.922
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		658.136.491	614.829.922
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		142.892.624.611	124.503.021.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.133.218.775	83.386.677.666
I. Tiền	110		2.736.365.805	4.501.430.150
1. Tiền	111	5	2.736.365.805	4.501.430.150
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.761.927.863	41.694.044.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.111.023.095	38.093.164.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.735.019.910	742.781.088
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.915.884.858	2.858.099.472
III. Hàng tồn kho	140	8	51.540.671.283	35.712.587.633
1. Hàng tồn kho	141		51.540.671.283	35.712.587.633
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.094.253.824	1.478.615.238
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.401.104.059	1.478.615.238
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		693.149.765	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		48.759.405.836	41.116.343.537
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		39.074.075.231	40.221.868.095
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	39.074.075.231	40.221.868.095
- Nguyên giá	222		96.416.041.196	91.662.209.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.341.965.965)	(51.440.341.450)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		353.242.000	353.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(353.242.000)	(353.242.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	10	9.024.194.114	276.645.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.024.194.114	276.645.520
IV. Tài sản dài hạn khác	260		658.136.491	614.829.922
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		658.136.491	614.829.922
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		142.892.624.611	124.503.021.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		78.689.786.112	61.621.461.339
I. Nợ ngắn hạn	310		76.741.540.812	59.855.835.578
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	12.118.315.657	13.766.714.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.259.635.364	591.273.454
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	803.492.461	716.339.860
4. Phải trả người lao động	314		5.720.105.903	5.110.435.300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.370.947.691	1.125.134.002
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		28.125.000	24.966.700
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		826.396.062	1.432.831.118
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	54.096.292.867	33.703.327.435
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		518.229.807	3.384.813.428
II. Nợ dài hạn	330		1.948.245.300	1.765.625.761
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	1.948.245.300	1.674.007.324
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	91.618.437
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.202.838.499	62.881.559.864
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	64.202.838.499	62.881.559.864
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.702.789.696	4.702.789.696
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.961.779.899	5.294.813.521
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.538.268.904	10.883.956.647
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		190.023.890	170.847.458
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		10.348.245.014	10.713.109.189
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		142.892.624.611	124.503.021.203


Phạm Thị Thúy Hằng
 Người lập biểu


Cao Vĩnh Hậu
 Kế toán trưởng


Trần Anh Tú
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	286.393.895.841	294.832.481.955
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	16	286.393.895.841	294.832.481.955
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	245.138.409.939	253.215.984.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.255.485.902	41.616.497.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		194.458.026	670.302.817
7. Chi phí tài chính	22		3.048.291.962	2.925.126.827
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.833.600.494	2.647.947.276
8. Chi phí bán hàng	25	19	7.777.631.394	8.094.253.953
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	17.679.672.473	18.881.718.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		12.944.348.099	12.385.700.822
11. Thu nhập khác	31		177.195.426	464.578.971
12. Chi phí khác	32		98.337.174	187.173.506
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		78.858.252	277.405.465
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.023.206.351	12.663.106.287
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.674.961.337	1.549.997.098
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.348.245.014	11.113.109.189
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	2.094	2.201


Phạm Thị Thúy Hằng
 Người lập biểu


Cao Vĩnh Hậu
 Kế toán trưởng



Trần Anh Tú
 Giám đốc


Ngày 14 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.023.206.351	12.663.106.287
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.901.624.515	6.680.469.930
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	128.354.557	-
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(12.838.175)	(175.644.236)
Chi phí lãi vay	06	2.833.600.494	2.647.947.276
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	21.873.947.742	21.815.879.257
Thay đổi các khoản phải thu	09	3.238.967.017	(2.347.275.713)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.828.083.650)	(18.223.943.937)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.149.709.137)	4.130.574.479
Thay đổi chi phí trả trước	12	34.204.610	222.058.203
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.824.687.651)	(2.690.431.259)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.394.814.614)	(1.566.823.779)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	6.235.927.276
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.333.550.000)	(4.893.011.838)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.383.725.683)	2.682.952.689
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(13.501.380.245)	(6.181.452.668)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.838.175	175.644.236
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.488.542.070)	(6.005.808.432)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	189.910.288.032	140.978.994.942
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(169.243.084.624)	(135.271.939.851)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.560.000.000)	(7.140.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.107.203.408	(1.432.944.909)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.765.064.345)	(4.755.800.652)
Tiền đầu năm	60	4.501.430.150	9.257.230.802
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	2.736.365.805	4.501.430.150



Phạm Thị Thúy Hằng
Người lập biểu



Cao Vinh Hậu
Kế toán trưởng



Trần Anh Tú
Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2017

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 9 năm 2015 với mã chứng khoán là PMP.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 486 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 445).

Nghành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP, PE; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vờ, bì các tông, văn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi; In ấn; Dịch vụ liên quan đến in.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, hoặc chi phí mua và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (2016)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là hệ thống mạng máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Hệ thống mạng máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	215.052.258	44.141.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.521.313.547	4.457.288.862
	2.736.365.805	4.501.430.150

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bạch Kim	14.789.115.603	670.471.440
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Viky	1.491.186.500	13.556.245.902
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	4.456.522.800
Công ty Cổ phần bao bì Đại Lục		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.140.000	6.061.506.000
Các khách hàng khác	14.822.580.992	13.348.417.943
	31.111.023.095	38.093.164.085
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	1.104.636.500	10.518.028.800

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu cán bộ công nhân viên tiền mua cổ phần	1.054.186.900	1.054.186.900
Tạm ứng cho người lao động	2.306.040.214	1.063.942.551
Khác	555.657.744	739.970.021
	3.915.884.858	2.858.099.472
Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	3.000.000	3.000.000
	3.000.000	3.000.000

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND	<u>Giá gốc</u> VND	<u>Dự phòng</u> VND
Hàng mua đang đi đường	2.415.857.400	-	18.100.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	29.106.758.427	-	19.644.416.883	-
Công cụ, dụng cụ	135.093.059	-	171.214.227	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14.699.511.538	-	13.449.446.201	-
Thành phẩm	4.993.502.488	-	2.414.511.253	-
Hàng hoá	189.948.371	-	14.898.869	-
Cộng	51.540.671.283	-	35.712.587.633	-

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tài VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	30.658.008.231	59.440.294.307	1.434.428.931	129.478.076	91.662.209.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.324.015.220	-	-	-	1.324.015.220
Mua sắm mới	45.265.000	2.240.341.886	1.144.209.545	-	3.429.816.431
Số dư cuối năm	32.027.288.451	61.680.636.193	2.578.638.476	129.478.076	96.416.041.196
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.875.025.068	39.332.129.060	1.103.709.246	129.478.076	51.440.341.450
Trích khấu hao trong năm	2.209.538.693	3.387.259.718	304.826.104	-	5.901.624.515
Số dư cuối năm	13.084.563.761	42.719.388.778	1.408.535.350	129.478.076	57.341.965.965
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	19.782.983.163	20.108.165.247	330.719.685	-	40.221.868.095
Tại ngày cuối năm	18.942.724.690	18.961.247.415	1.170.103.126	-	39.074.075.231

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 32.908.256.922 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 31.376.867.591 đồng).

Như trình bày ở Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 để đảm bảo cho các khoản vay, vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Jumbo	5.494.945.513	276.645.520
Máy dệt 2016	2.721.900.356	-
Dàn máy may jumbo	326.672.295	-
Dự án BOPP	480.675.950	-
	9.024.194.114	276.645.520

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần nhựa Châu Âu	2.669.700.000	2.669.700.000	1.758.350.000	1.758.350.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lộ Đức	1.185.997.283	1.185.997.283	1.508.923.900	1.508.923.900
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Việt Ý	512.785.850	512.785.850	824.003.400	824.003.400
Các nhà cung cấp khác	7.749.832.524	7.749.832.524	9.675.436.981	9.675.436.981
	12.118.315.657	12.118.315.657	13.766.714.281	13.766.714.281
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	-	-	343.925.000	343.925.000

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	128.944.652	2.724.866.402	2.853.811.054	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.215.772.512	7.215.772.512	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	712.888.793	712.888.793	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	495.425.251	2.674.961.337	2.394.814.614	775.571.973
Thuế thu nhập cá nhân	58.923.169	930.580.907	965.820.228	23.683.848
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	33.046.788	67.035.227	95.845.375	4.236.640
Các loại thuế khác	-	89.501.600	89.501.600	-
Cộng	716.339.860	14.419.606.778	14.332.454.176	803.492.461

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	32.835.680.259	32.835.680.259	189.910.288.032	166.701.430.124	56.044.538.167	56.044.538.167
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	2.541.654.500	2.541.654.500	-	2.541.654.500	-	-
Cộng	35.377.334.759	35.377.334.759	189.910.288.032	169.243.084.624	56.044.538.167	56.044.538.167

Trong đó:

Số phải trả trong vòng 12 tháng 33.703.327.435

54.096.292.867

Số phải trả sau 12 tháng 1.674.007.324

1.948.245.300

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2016-BBĐPM/HĐHM ngày 06 tháng 01 năm 2016 với hạn mức cho vay là 70 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 4 tháng kể từ ngày rút vốn vay và được ghi trên giấy nhận nợ, mục đích cho vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ, với tiền lãi phải trả vào ngày 26 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1 và xe ô tô Toyota Fortuner V mang biển số 72L-4203. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 tương đương 52.775.857.301 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc, thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của bên vay tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 332.105.166 đồng.
- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02-2014/HĐTD/BBĐPM ngày 12 tháng 12 năm 2014 với hạn mức cho vay tương đương 119.840, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền nhập khẩu máy in theo phương thức thư tín dụng cho Pea Shinn Engineering Co., Ltd theo Hợp đồng số 80/DPMP-Peashinn/2014 ngày 27 tháng 11 năm 2014. Lãi suất áp dụng bằng lãi suất cho vay trong hạn theo lãi suất huy động tiết kiệm tiền gửi 12 tháng, trả lãi sau theo thông báo của ngân hàng +2,5%/năm; lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản bên vay để thế chấp tại Ngân hàng. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.482.495.700 đồng.

13. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu bao gồm:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-ĐTDA/HĐTD/BBĐPM ngày 02 tháng 6 năm 2016 với hạn mức cho vay tương đương 18.580.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn lần đầu tiên cho đến khi trả hết nợ vay, mục đích cho vay để thanh toán tiền cho dự án đầu tư mua sắm lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất bao bì Jumbo giai đoạn 3. Lãi suất áp dụng là lãi suất Libor kỳ hạn 06 tháng +2,8%/năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ sáu (6) tháng xuất hiện trên Trang LIBOR01 Màn hình Reuters vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ London). Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo hợp đồng Thế chấp máy móc thiết bị số 01/2016-HĐBBĐ/BBĐPM, theo đó khoản vay sẽ được đảm bảo bằng các tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trên. Số dư nợ của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 64.000 USD.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Trong vòng một năm	1.320.435.566	1.568.184.674
Trong năm thứ hai	494.165.300	1.207.960.799
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.454.080.000	466.046.525
Sau năm năm	-	-
	3.268.680.866	3.242.191.998
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.320.435.566)	(1.568.184.674)
Số phải trả sau 12 tháng	1.948.245.300	1.674.007.324

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	42.000.000.000	4.702.789.696	3.259.319.938	10.364.087.833	60.326.197.467
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	11.113.109.189	11.113.109.189
Trích lập các quỹ	-	-	2.035.493.583	(2.035.493.583)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.417.746.792)	(1.417.746.792)
Cổ tức được chia	-	-	-	(7.140.000.000)	(7.140.000.000)
Số dư đầu năm nay	42.000.000.000	4.702.789.696	5.294.813.521	10.883.956.647	62.881.559.864
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.348.245.014	10.348.245.014
Trích lập các quỹ	-	-	1.666.966.378	(1.666.966.378)	-
Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.466.966.379)	(1.466.966.379)
Cổ tức được chia	-	-	-	(7.560.000.000)	(7.560.000.000)
Số dư cuối năm nay	42.000.000.000	4.702.789.696	6.961.779.899	10.538.268.904	64.202.838.499

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, cổ tức năm 2015 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 7.560.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty đã thanh toán toàn bộ số cổ tức được phê duyệt nêu trên cho các cổ đông. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, tỷ lệ chia cổ tức dự kiến năm 2016 là 17% vốn điều lệ.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+) <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 15 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	Giá trị	Giá trị
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.410.000.000	50,98%	18.203.000.000	18.203.000.000
Công ty TNHH Hương Phong	20.580.000.000	49,00%	16.800.000.000	16.800.000.000
Ông Võ Ngọc Chuyên	10.000.000	0,02%	10.000.000	10.000.000
Các cổ đông khác	-	0,00%	6.987.000.000	6.987.000.000
	42.000.000.000	100%	42.000.000.000	42.000.000.000

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ thông tin về doanh thu, chi phí được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm bao bì. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 16 và số 17.

Trong năm, các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở Việt Nam, doanh thu từ hoạt động xuất khẩu không đáng kể.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	253.077.187.945	215.276.969.207
Doanh thu bán hàng hóa	32.036.059.828	77.831.458.532
Doanh thu khác	1.280.648.068	1.724.054.216
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.393.895.841	294.832.481.955
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	286.393.895.841	294.832.481.955
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 22)	147.159.146.794	85.526.545.290

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm	213.182.632.897	176.294.315.450
Giá vốn bán hàng hóa	30.684.740.799	75.284.489.843
Giá vốn khác	1.271.036.243	1.637.179.598
	245.138.409.939	253.215.984.891

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	161.277.468.016	138.503.711.160
Chi phí nhân công	48.217.331.023	38.252.969.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.901.624.515	6.680.469.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.814.554.309	29.104.094.003
Chi phí khác bằng tiền	1.282.182.801	1.591.445.678
	243.493.160.664	214.132.690.132

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí vật liệu, bao bì	1.347.242	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.306.242.420	7.775.726.341
Chi phí bằng tiền khác	470.041.732	318.527.612
	7.777.631.394	8.094.253.953
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	8.905.679.722	8.974.632.162
Chi phí đồ dùng văn phòng	248.149.250	677.280.083
Chi phí khấu hao TSCĐ	805.144.300	675.622.508
Thuế, phí và lệ phí	5.919.547	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.995.074.734	7.268.174.551
Chi phí bằng tiền khác	719.704.920	1.282.008.975
	17.679.672.473	18.881.718.279

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	10.348.245.014	11.113.109.189
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (VND)	(1.552.236.752)	(1.866.966.378)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.796.008.262	9.246.142.811
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	4.200.000	4.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.094	2.201

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.602.375.000	1.602.375.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong vòng một năm	1.874.400.000	1.859.550.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.497.600.000	7.438.200.000
Sau năm năm	50.608.800.000	50.207.850.000
	59.980.800.000	59.505.600.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m² tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Đơn vị trực thuộc của Cổ đông lớn
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị trực thuộc của Cổ đông lớn
Công ty TNHH Hương Phong	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	98.952.586.040	848.868.744
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	39.468.685.289	51.214.995.100
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.587.077.465	32.564.208.700
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	76.153.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	22.770.000	84.600.000
Công ty TNHH Hương Phong	1.051.875.000	813.872.746
	<u>147.159.146.794</u>	<u>85.526.545.290</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	17.841.150
Công ty TNHH Hương Phong	-	2.208.535.000
	<u>-</u>	<u>2.226.376.150</u>

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải thu khách hàng		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	4.456.522.800
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.140.000	6.061.506.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.096.496.500	-
Công ty TNHH Hương Phong	-	-
	<u>1.104.636.500</u>	<u>10.518.028.800</u>
Phải trả người bán		
Công ty TNHH Hương Phong	-	343.925.000
	-	<u>343.925.000</u>

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.753.680.879	1.741.539.736

23. CAM KẾT VỐN

Theo Quyết định số 40/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Dự án đầu tư mua sắm dây chuyền thiết bị sản xuất bao Jumbo giai đoạn 3 với tổng mức đầu tư là 32.540.000.000 đồng, dự kiến thời gian hoàn thành của Dự án là 240 ngày kể từ khi Dự án được phê duyệt. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị đã thực hiện đầu tư của dự án là 5.821.617.808 đồng.


Phạm Thị Thúy Hằng
 Người lập biểu


Cao Vĩnh Hậu
 Kế toán trưởng


Trần Anh Tú
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2017



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trần Anh Tú



PETROVIETNAM FERTILIZER
AND CHEMICALS CORPORATION
DAM PHU MY
PACKAGING
JOINT STOCK COMPANY



Địa chỉ: Đường 1B, Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Tân Thành, Bà Rịa – Vũng Tàu

Số điện thoại: (064) 3921 999

Số fax: (064) 3921 966

Website: www.dpmp.vn

Mã cổ phiếu: PMP